



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 22/2026
Từ 08/6 - 12/6/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẮT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM TẠI BUỔI LÀM VIỆC VỚI BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG VỀ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ

Văn phòng Trung ương Đảng vừa ban hành Thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương về trọng tâm công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng (Thông báo số 90-TB/VPTW, ngày 10/6/2026).



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương về trọng tâm công tác tổ chức xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng diễn ra chiều 3/6/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng. (Ảnh: Đảng Khoa)

Nội dung Thông báo số 90-TB/VPTW như sau:

Ngày 03/6/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã làm việc với Ban Tổ chức Trung ương về trọng tâm công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Tham dự cuộc họp có đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo và ý kiến phát biểu của các đại biểu, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất với Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương. Đồng thời, lưu ý một số yêu cầu đối với ngành tổ chức xây dựng Đảng; cụ thể như sau:

Một là, thống nhất nhận thức công tác xây dựng Đảng, tổ chức, cán bộ là yếu tố cốt lõi của quản trị quốc gia.

Công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ trong giai đoạn mới có ý nghĩa quyết định đối với sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và năng lực của bộ máy hệ thống chính trị; không chỉ đáp ứng yêu cầu trong sạch, vững mạnh mà phải nhấn mạnh tới yếu tố đủ bản lĩnh, trí tuệ, uy tín và năng lực để lãnh đạo đất nước phát triển nhanh, bền vững. Cán bộ phải kiên định, sáng suốt về đường lối, mạnh về thực thi, sắc bén trong dự báo, tiên phong về khoa học, công nghệ, chủ động trong kiến tạo phát triển, gần dân, sát dân và vì dân; khắc phục tình trạng trì trệ, bảo thủ, yếu kém, quan liêu; phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Gắn chặt xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị tinh, gọn, trong sạch, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát huy dân chủ, kiểm soát quyền lực và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm đúng đắn, sâu sát, hiệu lực, hiệu quả, thông qua đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược, công tác tuyên truyền vận động, tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát, nêu gương, thuyết phục và kết quả thực tiễn. Chú trọng việc chủ động tham mưu, nghiên cứu, dự báo, xử lý từ sớm, từ xa các vấn đề lớn, mới, đột xuất, bất ngờ; chuyển phương thức lãnh đạo từ mệnh lệnh hành chính sang kiến tạo quản trị phát triển, từ kiểm soát quy trình sang đánh giá thực chất kết quả, hiệu quả công việc; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ nguồn lực, rõ thời gian và rõ kết quả trong tổ chức thực hiện; nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, kiểm soát trách nhiệm gắn với kết quả thực hiện.

Tập trung khắc phục triệt để những khâu yếu, “điểm nghẽn”, “nút thắt” trong tổ chức thực hiện. Kiên quyết khắc phục tình trạng nói nhiều làm ít, họp nhiều hiệu quả thấp, nhiều văn bản nhưng chưa rõ nhiệm vụ, giải pháp. Mọi nhiệm vụ phải được cụ thể hóa, định lượng gắn với trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực và điều kiện bảo đảm; lấy sản phẩm, chất lượng, hiệu quả công việc, sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá. Bảo đảm giao quyền đi đôi với giao nguồn lực; giao trách nhiệm đi đôi với kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy mới. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, cơ chế phối hợp, mối quan hệ công tác, số hóa hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ hoặc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; một cơ quan có thể chủ trì nhiều việc.

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo hướng tăng thẩm quyền, trách nhiệm, tạo cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự quyết, tự chịu trách nhiệm trong thẩm

quyền, trách nhiệm được giao. Cấp Trung ương tập trung hoàn thiện thể chế, chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình và tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cấp tỉnh, thành phố chủ động quyết định, thực hiện và chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn, nguồn lực được giao; cấp cơ sở trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp bảo đảm thủ tục đơn giản, nhanh chóng, thuận tiện.

Bốn là, đổi mới căn bản, toàn diện công tác cán bộ, coi đánh giá cán bộ là khâu đột phá.

Yêu cầu đối với cán bộ trong giai đoạn mới không chỉ vững về bản lĩnh chính trị, trung thành với Đảng, lợi ích quốc gia, dân tộc, có đạo đức trong sáng, lối sống gương mẫu mà còn phải có tư duy chiến lược, quản trị hiện đại, năng lực tổ chức thực hiện, khả năng xử lý, giải quyết những vấn đề mới, khó, phức tạp, phát sinh từ thực tiễn; có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tuyển chọn, phân công, bổ nhiệm cán bộ bảo đảm đúng người, đúng việc, đúng năng lực, đúng sở trường, đúng thẩm quyền.

Đánh giá cán bộ là khâu then chốt, phải công tâm, khách quan, thực chất, dựa trên sự tín nhiệm của tập thể, lấy kết quả, hiệu quả hoàn thành chức năng, nhiệm vụ chính trị của tập thể, chức trách, nhiệm vụ của cá nhân làm thước đo. Cần tạo sự đột phá trong bổ nhiệm cán bộ, nhất là người đứng đầu. Kiên quyết khắc phục tình trạng “cào bằng” trong đánh giá cán bộ; chậm thay thế cán bộ né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; không ghi nhận, bảo vệ và sử dụng cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có sản phẩm, có uy tín.

Thực hiện nghiêm túc, thực chất chủ trương “có vào, có ra”, “có lên, có xuống”; kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ có năng lực hạn chế, uy tín thấp, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thông qua đánh giá cán bộ hằng quý, hằng năm. Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ có năng lực nổi trội, chủ động, sáng tạo, quyết liệt, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học kỹ thuật...

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược và cán bộ cơ sở. Trong đó, cán bộ cấp chiến lược phải có tầm nhìn, trí tuệ, bản lĩnh, tư duy hệ thống, năng lực hoạch định và xử lý những vấn đề lớn, mới, khó, phức tạp; cán bộ cơ sở phải gần dân, sát dân, hiểu dân, trọng dân, có kỹ năng thuyết phục, đối thoại, giải quyết công việc và phục vụ nhân dân. Nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy việc liên thông trong công tác cán bộ giữa trong và ngoài khu vực Nhà nước; có cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng nhân tài, nhất là trong các lĩnh vực chiến lược. Cần có tư duy mới, tầm nhìn mới về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm chặt chẽ, chủ động, khách quan, toàn diện.

Tập trung củng cố tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, nâng cao năng lực nắm bắt tình hình và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở, nhất là liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Sinh hoạt chi bộ phải thực chất, gắn nhiệm vụ chính trị với giải quyết những vấn đề thực tiễn; khắc phục tình trạng hình thức, nể nang, né tránh, thiếu tính chiến đấu; phát huy dân chủ, phê bình và tự phê bình, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật của Đảng.

Coi trọng phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng, chú trọng địa bàn, lĩnh vực và khu vực có ít đảng viên như khu vực kinh tế tư nhân, lĩnh vực mới, địa bàn khó khăn, với

tin thần “ở đâu có dân, ở đó phải có đảng viên làm nòng cốt”. Tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, rà soát, sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng những cá nhân không đủ tư cách.

Sáu là, kiểm soát quyền lực, siết chặt kỷ cương, kỷ luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực, nhất là đối với công tác cán bộ, có ý nghĩa quyết định chất lượng đội ngũ, tổ chức bộ máy và hiệu quả thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, cục bộ, bè phái, chạy chức, chạy quyền; thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm theo hướng chủ động, từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

Bảy là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao nhận thức, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng, coi đây là giải pháp quan trọng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, đồng bộ, liên thông, chính xác, an toàn về tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ và biên chế; bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác tham mưu chiến lược, quản lý, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phòng ngừa vi phạm. Gắn chuyển đổi số trong Đảng với xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

2. Cơ bản thống nhất với các kiến nghị, đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương:

- Giao Ban Tổ chức Trung ương lựa chọn đúng những vấn đề lớn, mới, khó, có tác động lâu dài, thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để bổ sung vào chương trình làm việc, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong tháng 6/2026.

- Đối với tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và 40 năm thực hiện Cương lĩnh, phải coi xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là nội dung nền tảng; qua tổng kết rút ra quy luật, bài học, luận cứ khoa học và thực tiễn, bổ sung, nâng tầm lý luận, tạo đột phá cho giai đoạn phát triển mới.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và hệ thống trường chính trị tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng thiết thực, hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam và bối cảnh quốc tế; chú trọng nâng cao tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành và xử lý các vấn đề mới, khó, phức tạp.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số, đánh giá mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên; bảo vệ chính trị nội bộ ngay từ cơ sở; giáo dục chính trị, tư tưởng và tổng kết thực tiễn... bảo đảm đồng bộ, xuyên suốt, rõ mục tiêu, tiến độ, sản phẩm, tránh hình thức.

Văn phòng Trung ương Đảng thông báo để Ban Tổ chức Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng liên quan tổ chức thực hiện.

Nguồn: nhandan.vn

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

Chiều ngày 11/6/2026, tại Hà Nội, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì Hội nghị tổng kết hoạt động của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương (Ban Chỉ đạo).

Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị (Khóa IX) ban hành Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, do đồng chí Chủ tịch nước làm Trưởng ban. Trải qua 24 năm, với chức năng tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách tư pháp, hoạt động của Ban Chỉ đạo đã đạt được nhiều kết quả. Ban Chỉ đạo đã góp phần quan trọng thể chế hóa các quan điểm lớn của Đảng về cải cách tư pháp.

Nhiều chủ trương đã được cụ thể hóa trong Hiến pháp 2013, pháp luật và các đề án lớn về tổ chức, hoạt động của tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, thi hành án, luật sư, công chứng, giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý, thừa phát lại. Ban Chỉ đạo cũng đã góp phần thúc đẩy phát triển các thiết chế hỗ trợ tư pháp; quan tâm hơn đến điều kiện bảo đảm cho hoạt động tư pháp; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, trách nhiệm...

Phát biểu tại hội nghị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm khẳng định Ban Chỉ đạo đã hoàn thành tốt trọng trách mà Đảng giao phó; trân trọng ghi nhận những đóng góp quan trọng, tâm huyết của các đồng chí Trưởng ban, Phó Trưởng ban, thành viên Ban Chỉ đạo qua các nhiệm kỳ, của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo và các ban, bộ, ngành cùng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp.

Rút ra một số bài học kinh nghiệm qua quá trình triển khai cải cách tư pháp, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh, yêu cầu đặt ra hiện nay là đổi mới mạnh mẽ hơn cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo để cải cách tư pháp bước sang giai đoạn mới gắn chặt với hoàn thiện thể chế, thực thi pháp luật, kiểm soát quyền lực và phục vụ phát triển đất nước.

Theo chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương được kiện toàn, sắp xếp trong cơ chế mới, hợp nhất với Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nêu rõ, cần thống nhất nhận thức: Kết thúc hoạt động của Ban Chỉ đạo theo mô hình cũ không có nghĩa là kết thúc nhiệm vụ cải cách tư pháp. Ngược lại, đây là bước chuyển sang một mô hình lãnh đạo, chỉ đạo mới với tầm nhìn rộng hơn, yêu cầu cao hơn, phương thức đồng bộ hơn và trách nhiệm rõ hơn.

Cải cách tư pháp giai đoạn mới không chỉ là cải cách đối với các cơ quan tư pháp, mà là nâng cao năng lực vận hành Nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và kiến tạo niềm tin, phục vụ nhân dân, phục vụ phát triển.

Định hướng nhiệm vụ thời gian tới, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Tinh thần tòa án là trung tâm, xét xử là trọng tâm, tranh tụng là đột phá, bảo vệ công lý và quyền

con người là mục tiêu, kiểm soát quyền lực và Liêm chính tư pháp là điều kiện bảo đảm, đội ngũ cán bộ tư pháp là nhân tố quyết định phải tiếp tục được kiên trì thực hiện.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoàn thiện thể chế, tổ chức thi hành pháp luật và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực tư pháp, phòng chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp liêm chính, bản lĩnh, chuyên nghiệp; đẩy mạnh tư pháp số, quản trị cải cách tư pháp bằng dữ liệu.

Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi can thiệp trái pháp luật; minh bạch phân công án, giám định, định giá, đấu giá, thi hành án; xử lý nghiêm hành vi chạy án, làm sai lệch hồ sơ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp; thúc đẩy hồ sơ điện tử, quản lý án bằng dữ liệu, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan tư pháp với các cơ sở dữ liệu quốc gia...

Để bảo đảm chuyên tiếp thông suốt nhiệm vụ sang Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đề nghị Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan tổ chức bàn giao nhiệm vụ, đề án, chương trình công tác đầy đủ, chặt chẽ, khoa học; không để gián đoạn công việc, không để thất lạc tài liệu, không bỏ sót nhiệm vụ, nhất là những nhiệm vụ đang triển khai, vấn đề cần tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra trong cơ chế mới. Những kinh nghiệm tốt, cách làm đúng, sản phẩm có giá trị, cơ sở dữ liệu, hồ sơ đề án, kết luận, kiến nghị của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương phải được rà soát, phân loại, tích hợp vào chương trình công tác mới.

Ban Nội chính Trung ương và Đảng ủy Bộ Tư pháp chủ động phối hợp, thống nhất phương thức tham mưu, bảo đảm vừa kế thừa kinh nghiệm, vừa phát huy vai trò trung tâm trong hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật; hỗ trợ nhau để nâng cao chất lượng tham mưu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo mới.

Nguồn: nhandan.vn

TẬP TRUNG GIÁM SÁT VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC SAU SẮP XẾP

Chiều ngày 10/6/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự thảo Kế hoạch giám sát và Đề cương giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là trụ sở làm việc sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính”.

Theo báo cáo, nội dung giám sát tập trung vào ba nhóm vấn đề chính.

Thứ nhất là việc ban hành chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính.

Thứ hai là kết quả tổ chức thực hiện, bao gồm việc bố trí, xử lý trụ sở; tình hình quản lý, sử dụng; xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu; ứng dụng chuyển đổi số; công tác thanh tra, kiểm toán và xử lý vi phạm.

Thứ ba là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Để bảo đảm đánh giá đầy đủ, toàn diện, trong quá trình giám sát, Đoàn giám sát dự kiến đề nghị cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin về công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc phù hợp với đặc thù tổ chức và hoạt động của các cơ quan này.

Đoàn giám sát đề xuất không đưa cơ sở hoạt động sự nghiệp vào đối tượng giám sát vì đây là loại tài sản công có chế độ quản lý riêng, khác với trụ sở làm việc và không thuộc phạm vi giám sát của chuyên đề.

Thời gian giám sát dự kiến từ ngày 01/3/2025 (đối với Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ), từ ngày 01/7/2025 (đối với các tỉnh, thành phố) đến hết ngày 31/12/2026.

Đoàn giám sát dự kiến tổ chức 04 đoàn công tác đi giám sát, khảo sát tại 12 tỉnh, thành phố.

Đoàn giám sát đề xuất phương án tổ chức thực hiện và báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ ba (tháng 5/2027) nhằm kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát và giá trị thực tiễn của các kiến nghị sau giám sát.

Tại phiên họp, các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá cao dự thảo kế hoạch, đề cương báo cáo giám sát chuyên đề.

Các ý kiến cũng tập trung góp ý về đối tượng chịu sự giám sát; thời gian giám sát cũng như tiến độ thực hiện giám sát, báo cáo Quốc hội. Bên cạnh đó, các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng lưu ý việc triển khai giám sát cần đảm bảo tính toàn diện vùng, miền, địa phương.

Các đại biểu cũng nhấn mạnh cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức giám sát, đảm bảo chất lượng giám sát, để sau cuộc giám sát phải trả lời được câu hỏi về hiện trạng quản lý, sử dụng tài sản công là trụ sở làm việc và có hướng đề xuất, xử lý sắp tới.

Kết luận nội dung phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Hồng nhấn mạnh Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất về phạm vi thời gian giám sát.

Về đối tượng chịu sự giám sát và các cơ quan có liên quan yêu cầu báo cáo theo Đề cương, cần bám sát theo Nghị quyết số 23, bao gồm: Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Đoàn giám sát tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Đề cương báo cáo giám sát, dự thảo Đề cương và các phụ lục yêu cầu các cơ quan thuộc đối tượng giám sát, theo hướng tập trung vào những vấn đề lớn, trọng tâm, trọng điểm.

Cùng với đó, đảm bảo nội dung yêu cầu báo cáo thực sự thiết thực, phục vụ trực tiếp việc đánh giá thực trạng, xác định tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công là trụ sở làm việc.

Nguồn: vneconomy.vn

SƠ KẾT 1 NĂM VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN 3 CẤP TẠI ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ

Sáng ngày 10/6/2026, Đoàn Khảo sát của Ban Tổ chức Trung ương do đồng chí Hoàng Trung Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc về sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp tại Đảng ủy Chính phủ.

Phát biểu khai mạc và định hướng nội dung làm việc, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương Hoàng Trung Dũng cho biết, qua nghiên cứu báo cáo của Chính phủ và thực tiễn tại các địa phương cho thấy, khối lượng công việc mà Đảng ủy Chính phủ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng các bộ, ngành triển khai trong thời gian qua là rất lớn, nhiều nhiệm vụ mới, khó và chưa có tiền lệ.

Sau 1 năm vận hành mô hình tổ chức mới, bộ máy đã được tinh gọn hơn, các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cơ bản được triển khai đồng bộ. Tuy nhiên, cần tiếp tục đánh giá toàn diện hiệu quả vận hành mô hình mới, làm rõ mức độ thông suốt trong thực hiện nhiệm vụ, phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực và tác động đối với người dân, doanh nghiệp.

Đồng chí Hoàng Trung Dũng đề nghị các đại biểu tập trung trao đổi về những chuyển biến bước đầu sau 1 năm vận hành mô hình mới; những khó khăn, vướng mắc trong phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp xã; những bất cập trong hệ thống thể chế, cơ chế phân cấp, phân quyền, tổ chức bộ máy, chế độ chính sách đối với cán bộ; đồng thời đánh giá việc cắt giảm thủ tục hành chính, liên thông dữ liệu, ứng dụng chuyển đổi số và xử lý tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính...

Báo cáo tại buổi làm việc, đại diện Bộ Nội vụ cho biết, sau 1 năm triển khai thực hiện các kết luận, nghị quyết và chỉ đạo của Trung ương, Đảng ủy Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng.

Bộ máy hành chính nhà nước tiếp tục được tinh gọn; ở Trung ương giảm từ 22 xuống còn 17 bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ giảm từ 8 xuống còn 5. Ở địa phương, cả nước hiện có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh và 3.321 đơn vị hành chính cấp xã, kết thúc hoạt động của 696 đơn vị hành chính cấp huyện.

Công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh với khoảng 1.453 nhiệm vụ được giao cho địa phương; chính quyền cấp xã trực tiếp đảm nhận ít nhất 938 nhiệm vụ từ Trung ương và khoảng 140 nhiệm vụ từ cấp tỉnh.

Cùng với đó, 3.466 thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã được cắt giảm, đơn giản hóa; tỉ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 91,74%, tỉ lệ giải quyết đúng hạn trên 95%. Nhiều mô hình sáng tạo trong chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính đã được triển khai hiệu quả tại các địa phương như mô hình giao ban “04 trực”, “Chi bộ số”, “Đảng bộ số” tại Hà Nội; mô hình “tổ

lưu động” giải quyết thủ tục hành chính tại Đồng Nai; mô hình “Trạm công dân số”, kiosk thông minh, robots hỗ trợ đón tiếp... tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, mô hình mới vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc về thể chế, năng lực thực thi ở cấp xã, hạ tầng số, dữ liệu dùng chung và việc xử lý tài sản công dôi dư sau sắp xếp...

Tại buổi làm việc, các đại biểu đã tập trung trao đổi, đánh giá những kết quả bước đầu sau 1 năm vận hành mô hình tổ chức mới; phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong phân cấp, phân quyền...

Phó Bí thư Đảng ủy Chính phủ Nguyễn Thị Tuyền khẳng định, chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy từ 4 cấp xuống còn 3 cấp là chủ trương đúng đắn, là cuộc cách mạng lớn, chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị quốc gia hiện đại, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Tuy nhiên, theo đồng chí Nguyễn Thị Tuyền, thực tế triển khai vẫn còn 3 “điểm nghẽn” lớn, gồm hạn chế về năng lực chuyên môn của cán bộ cơ sở; những vướng mắc trong chuyển đổi số và thực hiện thủ tục hành chính liên thông; những bất cập trong phân cấp, phân quyền và phân định nhiệm vụ. Đồng chí đề nghị cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, quy chế hoạt động; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp với thực tiễn...

Kết luận buổi làm việc, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương Hoàng Trung Dũng đánh giá cao những kết quả bước đầu đạt được, khẳng định chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy là đúng đắn, cần thiết và nhận được sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, nhất là tình trạng quá tải ở cấp xã, hạn chế về hạ tầng công nghệ thông tin, cơ chế chính sách chưa đủ mạnh. Đồng chí Hoàng Trung Dũng đề nghị, nghiên cứu tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực; trao quyền chủ động hơn cho địa phương trong sắp xếp, điều tiết cán bộ; sớm tháo gỡ vướng mắc về tài sản dôi dư. Đồng thời, yêu cầu triển khai chuyển đổi số theo lộ trình phù hợp với thực tiễn cơ sở; rà soát lại việc phân cấp nhiệm vụ giữa các cấp; hoàn thiện chính sách tiền lương, đãi ngộ...

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Ngày 10/6/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai cùng các cơ quan, doanh nghiệp liên quan tổ chức Hội nghị công bố Kế hoạch phối hợp triển khai thí điểm hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Đưa chuyển đổi số đến khu vực kinh tế cơ sở

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Hoàng Phương nhấn mạnh, Nghị quyết số 57-NQ/TW đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu; trong khi Nghị quyết số 68-NQ/TW khẳng định kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, việc hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh chuyển đổi số chính là giải pháp cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đến khu vực kinh tế cơ sở - nơi hiện diện đông đảo nhất của hoạt động thương mại, dịch vụ và sinh kế của người dân.

Theo Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương, nhiều hộ kinh doanh nhỏ, hộ kinh doanh truyền thống hiện đang gặp không ít khó khăn trong quá trình thích ứng với phương thức kinh doanh mới khi các hoạt động thanh toán, hóa đơn, kê khai thuế, quản lý doanh thu và tiếp cận khách hàng ngày càng được thực hiện trên môi trường số.

Mặc dù có nhu cầu chuyển đổi, nhiều hộ kinh doanh vẫn còn hạn chế trong việc tiếp cận các công cụ số cũng như kỹ năng số cần thiết để triển khai hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương nhấn mạnh, kế hoạch phối hợp hôm nay là sự chung tay của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp công nghệ số nhằm đồng hành cùng người dân, hộ kinh doanh trong quá trình chuyển đổi số, giúp hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, tuân thủ pháp luật tốt hơn. Theo đó, chương trình được triển khai trên tinh thần “Nhà nước kiến tạo - doanh nghiệp đồng hành - người dân và hộ kinh doanh là trung tâm thụ hưởng”.

Thông qua các công cụ số như phần mềm quản lý bán hàng, hóa đơn điện tử, chữ ký số hay thanh toán điện tử, các hộ kinh doanh có thể quản lý tốt hơn hoạt động kinh doanh hằng ngày, giảm thời gian ghi chép thủ công, hạn chế sai sót và tiết kiệm chi phí vận hành. Việc ứng dụng công nghệ số cũng giúp hình thành dữ liệu phục vụ quản trị, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, từng bước xây dựng hoạt động kinh doanh minh bạch và phát triển bền vững.

Để kế hoạch đạt hiệu quả thực chất, Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và rõ kết quả; cụ thể hóa nhiệm vụ đến từng sở, ngành, doanh nghiệp, xã, phường.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của chính quyền cơ sở, Tổ công nghệ số cộng đồng, các hiệp hội ngành nghề và lực lượng hỗ trợ trực tiếp tại địa phương.

Các giải pháp hỗ trợ phải dễ tiếp cận, phù hợp với quy mô và năng lực của hộ kinh doanh, tập trung vào các nhu cầu thiết yếu như quản lý bán hàng, quản lý kho, thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, kê khai thuế, chăm sóc khách hàng, xây dựng website sử dụng tên miền quốc gia “.vn” và kết nối với các nền tảng thương mại điện tử.

Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương cũng lưu ý việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Hỗ trợ miễn phí nhiều nền tảng, giải pháp số

Là địa phương có hơn 105.000 hộ kinh doanh đang hoạt động, Đồng Nai được lựa chọn triển khai thí điểm chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp công nghệ số như VNPT, Viettel, MISA, Sapo, BKAV...

Các hộ kinh doanh tham gia sẽ được đánh giá miễn phí mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, tư vấn lựa chọn giải pháp phù hợp và trải nghiệm các nền tảng số phục vụ hoạt động kinh doanh. Chương trình hỗ trợ nhiều giải pháp thiết thực như phần mềm quản lý bán hàng, chữ ký số, hóa đơn điện tử, thanh toán điện tử, website, tên miền quốc gia ".vn" và kết nối sàn thương mại điện tử.

Theo kế hoạch, khoảng 6.000 hộ kinh doanh sẽ được khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số; đồng thời được tư vấn, hỗ trợ sử dụng các công cụ số phù hợp với nhu cầu thực tế. Chương trình cũng hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng chuyển đổi số của khu vực bán buôn, bán lẻ tại địa phương.

Dự kiến triển khai đến hết tháng 11/2026, kết quả thực hiện tại Đồng Nai sẽ là cơ sở quan trọng để hoàn thiện mô hình hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi số và xem xét nhân rộng trên phạm vi cả nước.

Nguồn: baohinhphu.vn

BÀN THẢO GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CHỈ SỐ SIPAS, PAR INDEX Ở ĐỊA PHƯƠNG

Vừa qua, Bộ Nội vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (ngày 05/6/2026), Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai (ngày 11/6/2026) tổ chức các Hội thảo với chủ đề: Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng chỉ số SIPAS (Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước) và PAR INDEX (Chỉ số cải cách hành chính) ở địa phương trong thời gian tới.

Theo Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi: “Cải cách hành chính luôn được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những đột phá quan trọng nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân và thúc đẩy phát triển đất nước”. Đồng thời, mục tiêu của cải cách hành chính là đem lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao và hiện đại hóa hệ thống quản trị nhà nước. Do đó, 2 chỉ số này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Theo Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi, nhiều năm qua, Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS đã trở thành những công cụ quản trị quan trọng, giúp các bộ, ngành và địa phương theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả cải cách hành chính một cách có hệ thống.

Đặc biệt, kết quả đánh giá, công bố hàng năm đã cung cấp những thông tin có giá trị cho công tác chỉ đạo, điều hành; góp phần thúc đẩy tinh thần đổi mới, tạo động lực cạnh tranh lành mạnh giữa các địa phương.

Đồng thời, kết quả đánh giá cũng phản ánh ngày càng rõ hơn cảm nhận, mức độ hài lòng và kỳ vọng của người dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi cũng nhấn mạnh đến việc nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của cải cách hành chính và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Việc đánh giá chất lượng phục vụ phải lấy mức độ hài lòng của người dân làm thước đo để nhận diện những tồn tại, hạn chế và kịp thời có giải pháp khắc phục. Ở đâu còn tình trạng thủ tục hành chính chậm trễ, ách tắc thì ở đó phải được kiểm tra, đánh giá và xử lý dứt điểm.

Dẫn chứng thực tế, Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi cho biết có trường hợp người dân phản ánh phải đi lại nhiều lần và mất tới 3 tháng mới hoàn tất thủ tục điều chỉnh thông tin cá nhân. Theo Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi, điều này cho thấy nhận thức và năng lực của một bộ phận cán bộ vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, làm giảm mức độ hài lòng của người dân. Đối với những phản ánh liên quan đến thái độ phục vụ hoặc biểu hiện tiêu cực của cán bộ, cơ quan chức năng cần xây dựng kế hoạch chấn chỉnh, xử lý nghiêm theo quy định.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi, hiện chủ trương, thể chế và thủ tục hành chính đã rất tiến bộ. Tuy nhiên, nếu đội ngũ cán bộ trực tiếp thực thi chưa theo kịp yêu cầu cải cách thì những nỗ lực hoàn thiện thể chế khó có thể phát huy hiệu quả, và người dân vẫn sẽ tiếp tục phàn nàn về thủ tục hành chính.

Tại hội thảo, các đại biểu được nghe Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ) thông tin về tình hình và kết quả thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, định hướng giai đoạn 2026 - 2030; Chỉ số SIPAS 2025, Chỉ số PAR Index 2025.

Kết quả này có được thông qua quá trình khảo sát quy mô lớn của Bộ Nội vụ. Trong đó, để đo lường Chỉ số SIPAS năm 2025, phiếu khảo sát được gửi đến 36.000 người dân tại 1.440 thôn, tổ dân phố của 720 xã, phường, đặc khu của 34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Về Chỉ số PAR Index năm 2025, Bộ Nội vụ đã tiến hành phân tích trên 64.000 phiếu khảo sát của công chức, lãnh đạo, quản lý các cấp và khảo sát gần 36.000 người dân.

Trong phần thảo luận, lãnh đạo Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã trung thảo luận đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra các tồn tại, hạn chế và điểm nghẽn trong quá trình triển khai các nội dung liên quan đến Chỉ số SIPAS và PAR Index. Đồng thời chia sẻ nhiều mô hình, kinh nghiệm hay trong cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền số; thẳng thắn trao đổi về những khó khăn, vướng mắc để đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả quản trị công và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Phuong Nhung - Trung tâm Công nghệ thông tin

TỪ 01/7, BỘ XÂY DỰNG ÁP DỤNG LOẠT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỜNG BỘ MỚI

Ngày 09/6/2026, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 891/QĐ-BXD công bố 8 thủ tục hành chính được sửa đổi và 4 thủ tục bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Theo đó, 8 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch lái xe và lưu hành phương tiện đặc chủng được sửa đổi, bổ sung; 4 thủ tục liên quan đến thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ bị bãi bỏ hoàn toàn.

Trong 8 thủ tục được sửa đổi, bổ sung có 7 thủ tục liên quan trực tiếp đến hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe, gồm: cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái; cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi tên cơ sở; cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

Cấp Giấy phép đào tạo lái xe và Giấy phép xe tập lái; cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe khi điều chỉnh hạng xe, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm; cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng khi cơ sở đào tạo đã cấp không còn hoạt động.

Thủ tục thứ 8 được sửa đổi là cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích và xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

Điểm nổi bật trong các thủ tục được sửa đổi là toàn bộ thẩm quyền giải quyết đều được phân cấp về Sở Xây dựng cấp tỉnh, không có ủy quyền hay phân cấp xuống đơn vị dưới. Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Thời hạn giải quyết được quy định rõ theo từng loại thủ tục. Cụ thể, cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe tối đa 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, sau đó thêm 01 ngày làm việc để cấp Giấy phép xe tập lái. Cấp lại Giấy phép đào tạo khi điều chỉnh hạng xe, lưu lượng hoặc địa điểm đào tạo tổng tối đa 3 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. Riêng cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe khi bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin, thời hạn chỉ còn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

Các kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả dưới dạng bản điện tử có giá trị tương đương bản giấy, thông qua VNeID, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin cấp tỉnh, cấp xã. Trường hợp cá nhân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy vẫn được đáp ứng theo yêu cầu. Đây là bước tiếp nối lộ trình chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với định hướng chung về xây dựng Chính phủ số.

Song song với việc sửa đổi, Bộ Xây dựng cũng chính thức bãi bỏ 4 thủ tục hành chính liên quan đến thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, gồm: chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên; cấp chứng chỉ thẩm tra viên; cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên; cấp lại

chứng chỉ thẩm tra viên. Thẩm quyền thực hiện 4 thủ tục bị bãi bỏ này trước đây thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc loại bỏ nhóm thủ tục này được thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ đẩy mạnh cải cách, cắt giảm những thủ tục không còn phù hợp hoặc gây phiền hà không cần thiết cho tổ chức, cá nhân.

Nguồn: moc.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 3030

Ngày 10/6/2026, Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030. Quá trình cải cách được thực hiện theo hướng thực chất, đồng bộ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, coi mức độ thuận tiện, chi phí tuân thủ và khả năng tiếp cận dịch vụ công là thước đo chủ yếu của hiệu quả cải cách.

Liên chính là nền tảng, sự hài lòng của người dân là thước đo

Để hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch và hiệu quả, Bộ Tài chính đặt ra các chỉ tiêu cụ thể:

Trong giai đoạn 2026 - 2027, hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ. 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất; đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

Về dịch vụ công, 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; và 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Đặc biệt, 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Bộ được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Đến giai đoạn 2028 - 2030, ngành Tài chính phấn đấu mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt tối thiểu 95% và đối với cung cấp dịch vụ công đạt tối thiểu 90%.

Về dữ liệu, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa đạt 90%; đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 80%. Đồng thời, xây dựng được đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín.

Chuyển đổi các đơn vị đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, Kế hoạch đã xác định 6 nhóm nhiệm vụ cốt lõi.

Trong đó, về cải cách thể chế, tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; coi đây là “đột phá của đột phá”, lợi thế cạnh tranh quốc gia. Kiến tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, an toàn, chi phí tuân thủ thấp. Đồng thời, đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và xây dựng cơ chế thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm cơ chế kiểm soát quyền lực, xóa cơ chế “xin - cho”.

Về cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính, bảo đảm thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. Tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, các thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực không cần thiết trên cơ sở khai thác dữ liệu có sẵn. Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tài chính theo mô hình tập trung.

Về cải cách tổ chức bộ máy, rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, bảo đảm rõ ràng, thống nhất, không chồng chéo.

Về cải cách chế độ công vụ, đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

Về cải cách tài chính công, hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển đổi các đơn vị đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên. Đồng thời, triển khai quyết liệt việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính.

Về xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, nhiệm vụ đặt ra là xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc Bộ Tài chính số; ban hành, hướng dẫn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của Bộ Tài chính. Khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Trong tổ chức thực hiện, Kế hoạch yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ Tài chính xác định việc triển khai công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên và là trách nhiệm trực tiếp của Thủ trưởng các đơn vị.

Bộ Tài chính yêu cầu gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện các chỉ tiêu; lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cũng như làm tiêu chí để bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cuối năm cho các tập thể, cá nhân.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

CẢI CÁCH MẠNH THỦ TỤC HẢI QUAN, THÊM DU ĐỊA CHO DOANH NGHIỆP BỨT PHÁ

Từ xây dựng hệ thống Hải quan số đến cắt giảm hàng chục thủ tục hành chính, ngành Hải quan đang đẩy mạnh cải cách toàn diện, ngành đang tăng tốc chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục và nâng cao hiệu quả quản lý nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Hải quan số trở thành trọng tâm của tiến trình cải cách

Trong những tháng đầu năm 2026, ngành Hải quan tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và Bộ Tài chính, trong đó chuyển đổi số được xác định là động lực quan trọng để hiện đại hóa hoạt động quản lý.

Trao đổi với báo chí ngày 09/6/2026, ông Trần Đức Hùng, Phó Cục trưởng Cục Hải quan, cho biết toàn ngành đang đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trọng tâm là xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số thay thế hệ thống VNACCS/VCIS hiện hành, tạo nền tảng đổi mới toàn diện quy trình quản lý và xử lý thủ tục hải quan.

Cùng với việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, ngành Hải quan đang triển khai dự án mở rộng Cổng thông tin một cửa quốc gia và kết nối Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 3 nhằm tăng cường chia sẻ dữ liệu, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Nhiều nhiệm vụ thuộc Đề án 06 tiếp tục được thực hiện như xây dựng hệ thống tiếp nhận thủ tục hành chính, quản lý người sử dụng và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngành cũng đưa vào vận hành các hệ thống quản lý điều hành tập trung, thông quan điện tử phiên bản 6 và hệ thống xử lý dữ liệu đối với hàng hóa giá trị thấp gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

Đáng chú ý, việc thử nghiệm Chatbot AI hỗ trợ cán bộ hải quan và doanh nghiệp được xem là bước tiến mới trong ứng dụng công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ.

Từ ngày 01/6/2026, ngành Hải quan bắt đầu thí điểm mô hình thông quan tập trung tại Chi cục Hải quan khu vực III. Kết hợp với số hóa hồ sơ, mô hình này giúp rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, giảm chi phí cho doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch trong quản lý.

Theo đánh giá của ngành Hải quan, thông quan tập trung còn góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn và hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu hải quan “đúng, đủ, sạch, sống”.

Cắt giảm thủ tục, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy thương mại

Bên cạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, ngành Hải quan đã cắt giảm 2 ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 14 điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa hoặc bãi bỏ 66 thủ tục hành chính, tương đương khoảng 30% tổng số thủ tục thuộc lĩnh vực hải quan.

Theo lãnh đạo Cục Hải quan, việc cắt giảm thủ tục thể hiện định hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, lấy quản lý rủi ro và mức độ tuân thủ của doanh nghiệp làm nền tảng. Đồng thời, cơ quan Hải quan duy trì chế độ trực 24/7 để hỗ trợ xử lý nhanh các lô hàng thực phẩm nhập khẩu và kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thông quan.

Cùng với cải cách trong nước, ngành Hải quan tiếp tục thúc đẩy hội nhập quốc tế. Nổi bật là việc ký kết Hiệp định hợp tác hải quan với Trung Quốc vào tháng 4/2026, tạo cơ sở mở rộng hợp tác về cơ chế một cửa, trao đổi dữ liệu và doanh nghiệp ưu tiên.

Theo Cục Hải quan, những kết quả đạt được trong chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và hội nhập quốc tế đang góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng thương mại trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động.

Nguồn: baochinhpvu.vn

RÀ SOÁT DỮ LIỆU XÂY DỰNG NỀN TẢNG, DỮ LIỆU SỐ NGÀNH THANH TRA

Thanh tra Chính phủ đang khẩn trương thực hiện dự án “Xây dựng nền tảng, dữ liệu số của ngành Thanh tra” theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Dự án “Xây dựng nền tảng, dữ liệu số của ngành Thanh tra” bao gồm 6 hợp phần, gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cơ sở dữ liệu quốc gia về thực hiện trách nhiệm giải trình; nền tảng số công tác thanh tra; và hệ thống quản lý văn bản, điều hành công tác Thanh tra Chính phủ.

Nhằm phục vụ triển khai dự án này, Thanh tra Chính phủ cũng vừa có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc phối hợp triển khai rà soát, đánh giá kết quả sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu.

Theo đó, để bảo đảm dữ liệu ban đầu cho các cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc dự án được xây dựng theo yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đồng thời bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, Thanh tra Chính phủ sẽ cử tổ công tác đến các địa phương để tiến hành rà soát, đánh giá kết quả sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu tại Văn bản số 1442/TTCP-BQLDA.

Thời gian thực hiện rà soát, đánh giá tại các địa phương từ ngày 10/6 đến hết ngày 12/6/2026.

Thanh tra Chính phủ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo Thanh tra tỉnh và Ban Tiếp công dân tỉnh, thành phố cử đầu mối phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc rà soát, đánh giá kết quả sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra đang lưu trữ tại địa phương.

Để phục vụ công tác số hóa tài liệu, Tổng Thanh tra Chính phủ yêu cầu các cục, vụ, đơn vị tổ chức rà soát, lựa chọn, sắp xếp và chỉnh lý hồ sơ thuộc phạm vi quản lý đang lưu trữ. Trọng tâm của công tác này đối với hồ sơ, tài liệu phát sinh từ năm 2021 đến nay, với thời hạn hoàn thành được ấn định trước ngày 20/6/2026.

Nguồn: vtv.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI XẾP THỨ 8 CẢ NƯỚC VỀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vừa có Báo cáo số 205/BC-UBND (ngày 07/6/2026) về phân tích kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 của thành phố Hà Nội.

Theo báo cáo, năm 2025 Chỉ số SIPAS của Hà Nội đạt 84,44%, giảm 2,06% so với năm 2024 nhưng vẫn cao hơn mức bình quân chung của cả nước là 83,09%. Với kết quả này, Hà Nội xếp thứ 8/34 tỉnh, thành phố, tăng 3 bậc so với năm trước và đứng thứ 4 trong số 7 thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2025 là năm thứ 9, Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai khảo sát SIPAS trên phạm vi toàn quốc. Tại Hà Nội, cuộc khảo sát được thực hiện với 3.000 phiếu điều tra trực tiếp tại 60 xã, phường và 120 thôn, tổ dân phố.

Kết quả cho thấy, chỉ số hài lòng của người dân đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách của Hà Nội đạt 86%, giảm 0,51% so với năm 2024 nhưng xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phố, cao hơn gần 3 điểm phần trăm so với mức trung bình cả nước. Trong khi đó, Chỉ số hài lòng đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công đạt 82,18%, giảm 4,31% so với năm trước và xếp thứ 23/34 tỉnh, thành phố.

Đối với lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, cả 4 tiêu chí thành phần đều đạt trên 85%, gồm: Trách nhiệm giải trình của chính quyền; cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách; chất lượng tổ chức thực hiện chính sách; kết quả, tác động của chính sách. Trong đó, tiêu chí “chất lượng tổ chức thực hiện chính sách” đạt cao nhất với 86,51%. Tuy nhiên, cả 4 tiêu chí đều giảm điểm so với năm 2024, đặc biệt tiêu chí trách nhiệm giải trình của chính quyền giảm mạnh nhất, giảm 0,98%.

Một số lĩnh vực chính sách được người dân đánh giá tích cực hơn năm trước như giáo dục phổ thông, khám chữa bệnh, điện sinh hoạt và an sinh xã hội. Trong đó, mức độ hài lòng đối với việc tổ chức thực hiện chính sách giáo dục phổ thông đạt 87,6%, tăng 1,03%; chính sách điện sinh hoạt đạt 87,26%, tăng 0,71%; chính sách khám chữa bệnh đạt 86,75%, tăng 0,52%.

Ngược lại, các lĩnh vực giao thông đường bộ và nước sinh hoạt là những nội dung có mức độ hài lòng thấp hơn. Chỉ số đánh giá “đường bộ, giao thông ở địa phương tốt hơn” đạt 84,42%, giảm 2,04%; chỉ số “nước sinh hoạt của người dân ở địa phương tốt hơn” đạt 84,09%, giảm 2,77% so với năm trước.

Đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công, cả 5 nhóm tiêu chí thành phần đều đạt trên 80%, nhưng đều giảm so với năm 2024. Trong đó, chỉ số về thủ tục hành chính đạt 82,75%; tiếp cận dịch vụ đạt 82,46%; công chức trực tiếp giải quyết công việc đạt 82,13%;

kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 81,96%; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân đạt thấp nhất với 81,44%.

Đáng chú ý, cả 16 tiêu chí chi tiết thuộc nhóm cung ứng dịch vụ hành chính công đều giảm điểm. Tiêu chí giảm mạnh nhất là “kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả đúng hạn”, giảm 5,25%; tiếp đến là “cơ quan thông báo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị cho người dân kịp thời”, giảm 5,21%.

Báo cáo cũng phản ánh một số nhận định đáng chú ý của người dân. Trong 9 nhóm chính sách được khảo sát, chính sách về trật tự, an toàn xã hội nhận được sự quan tâm cao nhất với 87,18% người được hỏi, tiếp đến là chính sách điện sinh hoạt với 86,5%.

Về kênh tiếp cận thông tin chính sách, người dân chủ yếu theo dõi qua đài, truyền hình, báo chí (58,8%), các cuộc họp, sinh hoạt tại khu dân cư (56,28%) và Internet (50,02%). Đồng thời, đài, truyền hình, báo chí cũng được đánh giá là kênh cung cấp thông tin phù hợp nhất với 85,59% người được hỏi lựa chọn.

Khảo sát cho thấy 86,59% người dân cho rằng không có công chức gây phiền hà, sách nhiễu; 89,57% cho rằng không có trường hợp người dân phải đưa tiền ngoài quy định khi giải quyết thủ tục hành chính.

Theo báo cáo, mặc dù chỉ số SIPAS năm 2025 giảm so với năm trước, song mức độ hài lòng của người dân vẫn duy trì trên 80% và thứ hạng của thành phố được cải thiện. Việc phân cấp, ủy quyền và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp cơ bản ổn định, góp phần giảm khâu trung gian và đẩy nhanh quá trình giải quyết hồ sơ cho người dân, tổ chức.

Báo cáo cũng chỉ rõ một số nguyên nhân làm giảm mức độ hài lòng, như việc tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính ở cơ sở còn lúng túng; nguồn nhân lực và năng lực chuyên môn tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu khi khối lượng nhiệm vụ được phân cấp tăng lên; cơ sở vật chất tại một số điểm phục vụ hành chính công cấp xã còn thiếu đồng bộ; việc kết nối, liên thông giữa các hệ thống phần mềm còn phát sinh lỗi, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ.

Để nâng cao Chỉ số SIPAS trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị tập trung mở rộng kênh tương tác với người dân; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường đào tạo kỹ năng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức; cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến; đầu tư cơ sở vật chất tại các điểm tiếp nhận, trả kết quả và tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH RÚT NGẮN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẤT ĐAI CÒN 2-4 GIỜ

Việc nộp hồ sơ đất đai trực tuyến và nhận kết quả chỉ sau 2-4 giờ làm việc đối với một số thủ tục đang trở thành bước tiến mới trong cải cách hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Mô hình “nộp trực tuyến - đi một lần - nhận kết quả nhanh” không chỉ giúp người dân giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục mà còn tạo nền tảng để thành phố từng bước xây dựng nền hành chính số, hướng tới xử lý hồ sơ phi địa giới trong thời gian tới.

Tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 2 (thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh), người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính về đất đai thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đối với thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, toàn bộ quá trình từ nộp hồ sơ đến nhận kết quả đều có thể thực hiện trực tuyến trên máy tính hoặc điện thoại thông minh mà không cần đến cơ quan đăng ký đất đai.

Đáng chú ý, đối với toàn bộ 23 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai do đơn vị phụ trách, người dân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến một phần. Theo đó, người dân chỉ cần đến cơ quan chức năng một lần để nộp bản chính hồ sơ. Kết quả được giải quyết sau 2 giờ làm việc đối với thủ tục đăng ký biến động cấp mới giấy chứng nhận và sau 4 giờ làm việc đối với thủ tục đăng ký biến động trên giấy chứng nhận cũ.

Trao đổi với phóng viên, ông Lê Xuân Tùng, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 2 cho biết để đạt được thời gian xử lý nhanh như trên, đơn vị đã rà soát, chuẩn hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ theo hướng số hóa, giảm tối đa các khâu trung gian không cần thiết. Một trong những yếu tố quan trọng là việc khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính số và hệ thống phần mềm nghiệp vụ. Đối với các hồ sơ có dữ liệu đầy đủ, rõ ràng và đã được cập nhật trên hệ thống, cán bộ chuyên môn có thể tra cứu, kiểm tra và xử lý trực tiếp trên môi trường điện tử thay vì phải thực hiện nhiều bước xác minh như trước.

Bên cạnh đó, chi nhánh tăng cường cơ chế phối hợp liên thông giữa Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, các tổ chuyên môn và các đơn vị liên quan; đồng thời bố trí nhân sự theo dõi thường xuyên các hồ sơ trực tuyến để giải quyết ngay khi phát sinh. Nhờ vậy, nhiều hồ sơ đơn giản, không có vướng mắc được xử lý trong thời gian ngắn.

Không chỉ rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, mô hình mới còn giúp tăng tính minh bạch trong quá trình xử lý hồ sơ. Khi nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, người dân được cấp mã biên nhận điện tử để theo dõi tiến độ giải quyết. Sau khi cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính, hệ thống tự động gửi thông báo số tiền phải nộp hoặc trường hợp được miễn, giúp người dân chủ động thực hiện các bước tiếp theo.

Ghi nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 2, đa số người dân và doanh nghiệp đánh giá tích cực về mô hình này bởi giảm đáng kể số lần đi lại, tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Đặc biệt, đối với các tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá

nhân thường xuyên thực hiện giao dịch đất đai, việc nộp hồ sơ trực tuyến mang lại nhiều thuận lợi hơn so với phương thức truyền thống.

Ông Nguyễn Thanh Bình, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, cho biết: “Việc có thể theo dõi toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ trên hệ thống giúp người dân yên tâm hơn. Trước đây tôi thường phải trực tiếp liên hệ để hỏi hồ sơ đang ở giai đoạn nào. Nay các bước xử lý đều được cập nhật trên hệ thống, khi có thông báo nghĩa vụ tài chính cũng nhận được ngay trên điện thoại. Cách làm này vừa minh bạch vừa tiết kiệm thời gian cho người dân.”

Theo ông Lê Xuân Tùng, dù vẫn còn một bộ phận người dân gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ số, nhất là người lớn tuổi, song đơn vị đã bố trí cán bộ hướng dẫn trực tiếp, xây dựng tài liệu và video hướng dẫn, đồng thời tăng cường tuyên truyền để hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Chuyển đổi số phải đi đôi với hỗ trợ người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Từ kết quả bước đầu, mô hình “nộp trực tuyến - đi một lần - nhận kết quả nhanh” đang cho thấy hiệu quả trong việc chuyển đổi phương thức giải quyết thủ tục hành chính từ hồ sơ giấy sang môi trường số. Đây cũng được xem là tiền đề quan trọng để Thành phố Hồ Chí Minh hiện thực hóa mục tiêu xử lý hồ sơ đất đai phi địa giới.

Trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh đang đẩy mạnh xây dựng chính quyền số và nền hành chính hiện đại, việc giải quyết thủ tục đất đai trực tuyến với thời gian xử lý chỉ từ 2-4 giờ không chỉ là sự cải tiến về quy trình nghiệp vụ mà còn thể hiện tư duy quản trị mới, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Đây cũng là một trong những bước đi cụ thể của Thành phố trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công và tạo nền tảng cho việc xử lý hồ sơ phi địa giới trên toàn địa bàn trong thời gian tới

Nguồn: vietnamplus.vn

LẠNG SƠN: HỘI NGHỊ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ CHỈ SỐ SIPAS VÀ CHỈ SỐ PAR INDEX NĂM 2025

Chiều ngày 11/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tổ chức hội nghị phân tích kết quả chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) và chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Lạng Sơn năm 2025. Đây là năm đầu tiên thực hiện đánh giá các chỉ số trong bối cảnh cả nước vừa thực hiện đợt sáp nhập, sắp xếp lại đơn vị hành chính (giảm từ 63 xuống còn 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Theo đó, chỉ số PAR INDEX năm 2025 cấp tỉnh được đánh giá trên 8 lĩnh vực, 38 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần; tổng điểm đánh giá là 100 điểm. Kết quả, tỉnh đạt 84,44%, xếp vị trí thứ 33/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, có một số chỉ số thành phần xếp thứ hạng thấp: chỉ số “cải cách thủ tục hành chính” đạt 91,08% (10,93/12,0 điểm), xếp

hạng 34/34 tỉnh, thành phố; chỉ số “chuyển đổi số trong cơ quan Nhà nước” đạt 76,30% (12,21/16,0 điểm), xếp hạng 32/34 tỉnh, thành phố; chỉ số “tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội” đạt 68,07% (11,23/16,5 điểm), xếp hạng 34/34 tỉnh, thành phố.

Đối với chỉ số SIPAS, năm 2025, Bộ Nội vụ triển khai đo lường trên bộ chỉ số gồm 37 chỉ số phản ánh nhận định, đánh giá, 51 chỉ số phản ánh mức độ hài lòng và 10 chỉ số phản ánh nhu cầu, mong đợi của người dân. Tại tỉnh Lạng Sơn, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, địa bàn khảo sát gồm 12 xã, phường với tổng số 600 phiếu. Năm 2025, tỉnh Lạng Sơn đạt 78,80%, xếp vị trí thứ 33/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả đo lường cho thấy mức độ nhận định, đánh giá của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh nằm ở nhóm thấp so với mặt bằng chung toàn quốc.

Tại hội nghị, các đại biểu đã tham luận, phân tích làm rõ tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục đối với từng nội dung lĩnh vực cải cách hành chính nhằm nâng cao chỉ số SIPAS, chỉ số PAR INDEX. Trong đó, tập trung vào các vấn đề như: Cải cách thủ tục hành chính; giải quyết hồ sơ thủ tục đúng hạn; xây dựng và phát triển chính quyền số; cải cách tài chính công...

Phát biểu kết luận hội nghị, đồng chí Trần Thanh Nhàn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành, ủy ban nhân dân các xã, phường nhìn nhận nghiêm túc kết quả đánh giá chỉ số SIPAS, chỉ số PAR INDEX của tỉnh trong năm 2025, không né tránh, không đổ lỗi cho khách quan. Cơ quan nào để mất điểm ở tiêu chí thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình thì cơ quan đó phải xây dựng phương án khắc phục. Xã, phường nào để hồ sơ chậm hạn, phản ánh kiến nghị kéo dài, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thấp thì chủ tịch ủy ban nhân dân phải trực tiếp chỉ đạo xử lý.

Để tạo chuyển biến thực chất trong năm 2026, đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, ủy ban nhân dân các xã, phường đẩy mạnh thực hiện tốt nhiệm vụ công tác cải cách hành chính trên tất cả các nội dung lĩnh vực, trong đó, tập trung vào chỉ đạo, điều hành gắn kết quả cải cách hành chính với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân người đứng đầu; tập trung trả lời đầy đủ, đúng hạn, dễ hiểu đối với phản ánh, kiến nghị của người dân; giảm hồ sơ chậm hạn và xin lỗi nghiêm túc khi trễ hẹn; cung cấp thông tin rõ ràng, không để người dân đi lại nhiều lần; cải thiện thái độ phục vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhất là ở cấp xã, phường.

Nguồn: baolangson.vn

BẮC NINH: ĐỔI MỚI TÁC PHONG PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Với mục tiêu lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đang sôi nổi triển khai nhiều giải pháp và phong trào thi đua thiết thực trong cải cách hành chính, chuyển từ tư duy hành chính sang tư duy phục vụ.

Đặc biệt việc nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa và hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính đang góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, minh bạch và an toàn.

Hỗ trợ theo hướng “cầm tay chỉ việc”

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp, vào tuần cuối của tháng 5, xã Trung Chính đạt 95,51/100 điểm, là số điểm cao nhất mà xã đạt được từ đầu năm đến nay.

Trong 6 nhóm chỉ số thành phần, xã Trung Chính ghi nhận nhiều tiêu chí đạt cao như công khai, minh bạch đạt 18/18 điểm; mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm; thanh toán trực tuyến đạt 10/10 điểm và tiến độ giải quyết hồ sơ đạt 19,96/20 điểm.

Bà Trần Hải Hà, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Trung Chính chia sẻ: “Là một xã thuần nông, tỷ lệ người lớn tuổi cao, trình độ công nghệ hạn chế, nên Trung tâm Phục vụ hành chính công xã lựa chọn, bố trí công chức, viên chức có trình độ, kinh nghiệm, trách nhiệm và thái độ ứng xử hòa nhã, lịch sự làm nhiệm vụ tại bộ phận một cửa, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính từng thao tác theo phương châm “cầm tay chỉ việc”. Hiện nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Trung Chính đang đẩy mạnh khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, tăng cường kết nối và đồng bộ với cơ sở dữ liệu Quốc gia để giảm thành phần hồ sơ giấy, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tính chính xác và tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính”.

Bà Bùi Thị Quỳnh, người dân thôn Thận Trai, xã Trung Chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã làm thủ tục cấp lại giấy khai sinh chia sẻ: “Người cao tuổi thường rất ngại đi làm thủ tục hành chính, song khi đến bộ phận một cửa xã chúng tôi được cán bộ hướng dẫn cụ thể, chuẩn bị hồ sơ giấy tờ đầy đủ và các bước thực hiện trực tuyến để không phải đi lại nhiều lần”.

Phong trào “Bình dân học vụ số” cũng góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa ở nhiều địa phương. Tại xã Cao Đức, qua một năm triển khai (từ ngày 7/8/2025 đến ngày 31/5/2026), sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò nòng cốt của 13 tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% số thôn đã hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng VNeID, sử dụng nền tảng học tập trực tuyến MOOCs.

Theo ông Lại Đình Tế, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cao Đức, đến nay, toàn xã đã có 110 cán bộ và 4.500 người dân tham gia, hoàn thành chương trình học tập trên nền tảng MOOCs, có 12.500/16.900 công dân được cấp định danh điện tử mức độ 2; tạo thuận lợi cho việc thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính không giấy tờ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Vì sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp

Để tạo chuyển biến rõ nét trong công tác giải quyết thủ tục hành chính ngay từ bộ phận một cửa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh vừa ban hành Kế hoạch số 192/KH-UBND phát động phong trào thi đua “Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính, gắn với khai thác, chia sẻ

dữ liệu và ứng dụng chuyển đổi số trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh”.

Phong trào thi đua cao điểm được triển khai rộng khắp từ tháng 5/2026 đến hết tháng 12/2026 với các mục tiêu: 100% người dân đến thực hiện thủ tục hành chính được tuyên truyền, hướng dẫn về dịch vụ công trực tuyến. Ít nhất 90% người dân được hỗ trợ có thể tự thao tác nộp hồ sơ trực tuyến sau khi được hướng dẫn.

100% hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính phát sinh phải được số hóa theo quy định. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100% đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện. Mức độ hài lòng chung của người dân, doanh nghiệp phải đạt hơn 95%...

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số. Khai thác dữ liệu cũ đã được số hóa để chủ động cắt giảm các thành phần hồ sơ.

Theo ông Nguyễn Văn Duẩn, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thời gian tới, Trung tâm sẽ chủ trì, phối hợp xây dựng hệ thống đánh giá chỉ số sự hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính theo hướng trực tuyến, công khai, thuận tiện. Đồng thời, rà soát, tổng hợp, tham mưu, đề xuất đánh giá kết quả cả năm đối với những tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua trình Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng kịp thời.

Với đợt cao điểm thực hiện phong trào thi đua theo Kế hoạch số 192/KH-UBND, trung tâm phục vụ hành chính công các cấp sẽ có sự thay đổi diện mạo rõ rệt, tạo đột phá trong nâng cao chất lượng phục vụ vì sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baobacninhvtv.vn

HẢI PHÒNG: SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỒNG BỘ VỚI SẮP XẾP TỔ CHỨC CHI BỘ, ĐOÀN THỂ Ở CƠ SỞ

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vừa ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố và sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách với người hoạt động không chuyên trách.

Cụ thể, Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố năm 2026 nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

Sắp xếp thôn, tổ dân phố đồng bộ kiện toàn bộ máy; bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân

Theo phương án, việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng bộ với kiện toàn tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở; bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

Dự kiến giảm 44,2% số lượng thôn, tổ dân phố sau sắp xếp

Căn cứ thực trạng trên địa bàn, 112/114 xã, phường, đặc khu đã xây dựng phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố (trừ xã An Thành có các thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình và đặc khu Bạch Long Vĩ không thực hiện sắp xếp do các yếu tố đặc thù).

Thành phố dự kiến giữ ổn định 562 thôn, tổ dân phố, trong đó có 551 đơn vị bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình và thực hiện đổi tên 31 thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm thống nhất, khoa học, thuận tiện trong quản lý.

Đồng thời, thành phố sẽ sắp xếp, tổ chức lại 2.524/3.086 thôn, tổ dân phố hiện có để thành lập 1.161 thôn, tổ dân phố mới. Trong số này có 2.078 thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình và 446 thôn, tổ dân phố liền kề đủ điều kiện thực hiện sắp xếp.

Sau khi hoàn thành, toàn thành phố còn 1.723 thôn, tổ dân phố (gồm 926 thôn và 797 tổ dân phố), giảm 1.363 đơn vị, tương đương 44,2% so với hiện nay.

Việc đặt tên các thôn, tổ dân phố mới được thực hiện trên cơ sở các yếu tố lịch sử, văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán và yêu cầu quản lý thực tiễn; khuyến khích sử dụng tên gọi đã có trước khi sắp xếp, bảo đảm tính thống nhất, tránh trùng lặp trong cùng đơn vị hành chính cấp xã.

Đông bộ sắp xếp hơn 22.700 tổ chức chi bộ, đoàn thể ở cơ sở

Một trong những nội dung trọng tâm của phương án là tổ chức lại hệ thống chính trị tại thôn, tổ dân phố sau sắp xếp.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 22.713 tổ chức đang hoạt động tại 3.086 thôn, tổ dân phố, gồm: Chi bộ Đảng, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân (đối với địa bàn có hoạt động nông nghiệp), Chi đoàn Thanh niên, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng...

Sau khi hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố, các địa phương sẽ đồng thời tổ chức lại toàn bộ hệ thống này để thành lập khoảng 15.258 tổ chức tương ứng với 1.723 thôn, tổ dân phố mới.

Theo phương án, Chi bộ Đảng tiếp tục giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện ở cơ sở; Ban Công tác Mặt trận là trung tâm tập hợp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; các chi hội đoàn thể thực hiện chức năng tuyên truyền, vận động hội viên và Nhân dân tham gia các phong trào thi đua, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Rà soát, bố trí lại nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp

Cùng với sắp xếp đơn vị dân cư, thành phố sẽ thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện hệ thống nhà văn hóa, khu thể thao và các thiết chế văn hóa khác tại thôn, tổ dân phố.

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí, xử lý các nhà văn hóa, khu thể thao dôi dư sau sắp xếp, bảo đảm sử dụng hiệu quả tài sản công, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố.

Phương án cũng yêu cầu cơ sở hạ tầng tại các thôn, tổ dân phố mới phải bảo đảm điều kiện phục vụ sinh hoạt của người dân và tổ chức các hoạt động tự quản cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Bảo đảm chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

Cùng với việc sắp xếp tổ chức, thành phố sẽ thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Trung ương và các văn bản hiện hành.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao rà soát, thống kê, giải quyết kịp thời chế độ đối với các trường hợp nghỉ công tác, thôi tham gia hoạt động hoặc tiếp tục bố trí công tác sau sắp xếp; bảo đảm quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ cơ sở, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai phương án.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ngành, địa phương tập trung hoàn thiện đề án, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, bảo đảm việc sắp xếp thôn, tổ dân phố được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định.

Nguồn: chinhphu.vn

NINH BÌNH: THÍ ĐIỂM KIOSK THÔNG MINH VÀ HỆ THỐNG XÁC THỰC, CẤP BẢN SAO SỐ TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ

Ngày 12/6/2026, tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hoa Lư, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) tổ chức lễ ra mắt mô hình thí điểm Kiosk thông minh và hệ thống xác thực, cấp bản sao số tài liệu điện tử.

Phát biểu tại lễ ra mắt, Đại tá Đỗ Hoài Nam, Phó Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình cho biết, Kiosk được thiết kế như một điểm phục vụ tự động tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công, hỗ trợ người dân thực hiện nhiều tiện ích trên cùng một thiết bị như: Nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến, cấp bản sao số tài liệu điện tử, sử dụng các dịch vụ công của Bộ Công an và nhiều tiện ích số khác.

Đánh giá về hiệu quả của hệ thống, ông Tô Huy Vũ, Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank khẳng định, đây là sự kiện có ý nghĩa thiết thực đối với tiến trình cải cách hành chính, chuyển đổi số của tỉnh; đồng thời là dấu mốc trong hành trình đưa dịch vụ công, dịch vụ tài chính - ngân hàng và các tiện ích số đến gần hơn với người dân, doanh nghiệp; thể hiện sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị cho một mục tiêu rất căn bản: Phục vụ người dân tốt hơn, nhanh hơn, minh bạch hơn và bình đẳng hơn. Trước khi triển khai tại Ninh Bình,

hệ thống Kiosk thông minh đã được lắp đặt và sử dụng tại Hà Nội, Thanh Hóa, Quảng Ninh, đem lại những kết quả tích cực.

Phát biểu tại chương trình, bà Hà Lan Anh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình khẳng định, việc ra mắt Kiosk thông minh và hệ thống xác thực, cấp bản sao số tài liệu điện tử là dấu mốc quan trọng, thể hiện bước đi mạnh mẽ, đột phá của tỉnh trong lộ trình xây dựng chính quyền số và xã hội số năm 2026. Trong bối cảnh cả hệ thống chính trị đang nỗ lực chuyển đổi số, Agribank đã khẳng định vị thế là ngân hàng đầu tiên, đơn vị tiên phong quyết liệt đồng hành cùng chính quyền tỉnh Ninh Bình.

Trong giai đoạn thí điểm này, 10 Kiosk hành chính công thông minh sẽ được đưa vào vận hành tại 3 điểm Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh và 7 đơn vị xã, phường trên địa bàn tỉnh. Mô hình Kiosk thông minh này sẽ mang lại những hiệu quả thiết thực bởi được tích hợp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh điện tử VNeID kết hợp với nền tảng thanh toán trực tuyến tiên tiến của Agribank.

Để hệ thống Kiosk thông minh này thực sự phát huy hiệu quả, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình giao Công an tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thụ hưởng lắng nghe phản hồi từ người dân để cập nhật tính năng, đảm bảo hệ thống không chỉ “thông minh” mà còn phải “thân thiện”, vận hành hệ thống ổn định, thông suốt; đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu dân cư. Từ kết quả thí điểm hôm nay, cần sớm đánh giá hiệu quả mô hình để có cơ sở triển khai nhân rộng trên toàn tỉnh.

Đội ngũ cán bộ công chức tại phường, xã cần được tập huấn kỹ lưỡng để hướng dẫn người dân sử dụng hệ thống một cách tận tình, hiệu quả nhất, phát huy tối đa công suất của Kiosk; xử lý nhanh chóng, kịp thời các hồ sơ phát sinh từ hệ thống Kiosk.

Tại chương trình, các đại biểu đã cùng thực hiện nghi thức phát lệnh ra mắt và đưa vào hoạt động hệ thống Kiosk thông minh và hệ thống xác thực, cấp bản sao số tài liệu điện tử.

Nguồn: baotintuc.vn

THANH HÓA: TẠO ĐỘT PHÁ TRONG ĐIỀU HÀNH, PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Chuyển đổi số đang từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Với quyết tâm xây dựng chính quyền hiện đại, minh bạch và hiệu quả, tỉnh đã tập trung đầu tư hạ tầng, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Đến nay, toàn tỉnh duy trì vận hành ổn định 5 nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư đồng bộ, bảo đảm kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến cơ sở. Hiện 100% cơ quan,

đơn vị trên địa bàn đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, đáp ứng yêu cầu trao đổi, xử lý dữ liệu an toàn, nhanh chóng và hiệu quả.

Song song đó, việc xây dựng chính quyền số tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xử lý công việc trên môi trường mạng đạt 100%, góp phần thay đổi căn bản phương thức làm việc theo hướng hiện đại, giảm thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả quản trị hành chính. Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc hiện xử lý gần 4,5 triệu văn bản điện tử mỗi năm; tỷ lệ ký số đạt trên 99%, cho thấy mức độ ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng sâu rộng trong hoạt động công vụ.

Một trong những điểm nổi bật của quá trình chuyển đổi số là việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp. Theo số liệu của Sở Khoa học và Công nghệ, tính đến tháng 5/2026 tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh đạt 98,45%, tương ứng 124.085 trên tổng số 126.058 hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trên môi trường mạng. Kết quả này không chỉ phản ánh sự thay đổi trong nhận thức và thói quen của người dân mà còn cho thấy hiệu quả của việc cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số. Việc giải quyết hồ sơ trực tuyến giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, đồng thời hạn chế tiếp xúc trực tiếp, nâng cao tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính. Nhiều dịch vụ công thiết yếu hiện đã được triển khai hoàn toàn trên môi trường số, cho phép người dân thực hiện các thủ tục mọi lúc, mọi nơi thông qua máy tính hoặc điện thoại thông minh.

Không chỉ tập trung xây dựng chính quyền số, tỉnh còn chú trọng phát triển xã hội số nhằm đưa công nghệ số đến gần hơn với người dân. Hiện toàn tỉnh đã phát triển được trên 700.000 chữ ký số cá nhân, đạt 35,4% dân số. Đây là nền tảng quan trọng giúp người dân tiếp cận các giao dịch điện tử an toàn, thuận tiện, đồng thời thúc đẩy hình thành công dân số trong thời kỳ mới. Cùng với đó, tỉnh tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của hơn 4.200 tổ công nghệ số cộng đồng với trên 20.000 thành viên tham gia. Các tổ công nghệ số cộng đồng đã và đang trở thành “cánh tay nối dài” trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Thông qua các tổ công nghệ số cộng đồng, nhiều người dân đã được hỗ trợ cài đặt và sử dụng các ứng dụng phục vụ đời sống như thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến, sổ sức khỏe điện tử, định danh điện tử, chữ ký số cá nhân... Qua đó từng bước nâng cao kỹ năng số cho người dân, thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực và nhóm đối tượng trong xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế số, tỉnh cũng đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số vào hoạt động quản trị, sản xuất và kinh doanh. Các doanh nghiệp từng bước chuyển đổi phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử và các giải pháp quản trị thông minh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường. Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đã chủ động ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhân sự, bán hàng, chăm sóc khách hàng và quảng bá sản phẩm trên môi trường mạng. Điều này không chỉ giúp tiết giảm chi phí vận hành mà còn mở ra nhiều cơ hội tiếp cận khách hàng mới trong bối cảnh kinh tế số ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Cùng với sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, ngành, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã tạo chuyển biến rõ nét cả về nhận thức lẫn hành động. Người dân ngày càng quen thuộc với việc sử dụng các nền tảng số trong giao dịch hành chính, mua sắm, thanh toán và tiếp cận thông tin. Doanh nghiệp tích cực đổi mới mô hình hoạt động, còn cơ quan nhà nước từng bước nâng cao hiệu quả quản trị dựa trên dữ liệu số.

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục tập trung hoàn thiện hạ tầng số, nâng cao chất lượng các nền tảng dùng chung, tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng và đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đồng thời, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên mọi lĩnh vực nhằm phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: DẤU ẤN TỪ “QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH” ĐẾN “QUẢN TRỊ PHỤC VỤ”

Sau gần 1 năm thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, những thay đổi dễ nhận thấy không chỉ là tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian mà dấu ấn sâu sắc nhất là sự chuyển biến trong tư duy lãnh đạo, quản trị và phương thức phục vụ nhân dân.

Lãnh đạo bằng hành động thực tiễn

Xã Nghĩa Lâm là một trong những địa phương được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An tặng Bằng khen vì thành tích xuất sắc sau 1 năm vận hành bộ máy mới theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Theo đồng chí Phan Văn Hiến - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Nghĩa Lâm: Sự thay đổi lớn nhất là cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã chuyển từ tư duy “quản lý” sang tư duy “phục vụ”, từ lãnh đạo bằng mệnh lệnh hành chính sang lãnh đạo bằng hành động thực tiễn.

Tại xã Nghĩa Lâm, điều này được thể hiện bằng những việc làm cụ thể. Hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em năm 2026, cấp ủy, chính quyền xã đã huy động xã hội hóa hơn 1.500m đường ống dẫn nước, đồng thời cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang trực tiếp tham gia vận chuyển vật tư, lắp đặt hệ thống, đưa nước về tại Trường trung học cơ sở Lâm Sơn và Trường Tiểu học Nghĩa Sơn để phục vụ dạy bơi cho học sinh.

Theo thầy giáo Lê Quốc Quân - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Lâm Sơn: Hình ảnh những cán bộ, công chức xã trực tiếp kéo từng đoạn ống nước giữa nắng Hè đã trở thành minh chứng sinh động cho tinh thần “nói đi đôi với làm”, cho cách lãnh đạo bằng trách nhiệm và hành động. Việc đưa nước về trường không đơn thuần là hỗ trợ cơ sở vật chất mà còn thể hiện sự quan tâm thiết thực của cấp ủy, chính quyền đối với sự an toàn và phát triển toàn diện của học sinh.

Tinh thần hành động ở xã Nghĩa Lâm cũng được thể hiện rõ trong giải quyết những vấn đề tồn đọng, phức tạp. Ngay sau 4 tháng đi vào vận hành chính quyền địa phương 2 cấp,

trước phản ánh của người dân về vướng mắc trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã đã trực tiếp đối thoại với nhân dân. Sau đối thoại, cấp ủy thành lập Ban Chỉ đạo do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; đồng thời thành lập các tổ công tác xuống tận các xóm để rà soát, hướng dẫn và giải quyết các hồ sơ đất đai tồn đọng.

Tương tự, một số vướng mắc trong công tác đền bù và thực hiện tái định cư của một số hộ dân để thực hiện dự án chăn nuôi bò và chế biến sữa tập trung của Tập đoàn TH cũng đã và đang được cấp ủy, chính quyền địa phương “xuống tận nơi”, gặp gỡ, đối thoại trực tiếp và tích cực vào cuộc để giúp người dân từng bước tháo gỡ.

Tại phường Hoàng Mai, mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai theo tinh thần “6 rõ”: Rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực và rõ kết quả. Các cuộc họp được rút gọn, tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm; từng đầu việc đều xác định rõ người phụ trách, thời hạn hoàn thành và cơ chế giám sát.

Theo đồng chí Hồ Sỹ Tùng - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Hoàng Mai: Cách làm này giúp đội ngũ cán bộ, công chức nâng cao trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ, hạn chế tình trạng chậm việc, sót việc và nâng cao hiệu quả thực thi công vụ. Cùng với đó, phường đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, tạo sự đồng bộ, minh bạch và rút ngắn đáng kể thời gian xử lý công việc.

Những đổi mới trong quản trị đã giúp phường Hoàng Mai tiếp tục duy trì nhiều điểm sáng. Đơn cử về tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm năm 2025 đạt 13.03%; thu nhập bình quân đầu người đạt 91,54 triệu đồng/năm.

Công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tiếp tục được địa phương chú trọng đối thoại, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trên cơ sở đặt quyền lợi của người dân lên trên hết và đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Công tác cải cách hành chính với chỉ số xếp hạng trong năm 2025 đứng thứ 2/130 xã, phường toàn tỉnh.

Tại xã Nghĩa Lâm, công việc được giao bằng phiếu giao việc trên môi trường số, xác định rõ người thực hiện, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm và sản phẩm đầu ra. Hệ thống quản lý công việc thường xuyên cập nhật tiến độ, nhắc việc và đánh giá kết quả hàng tháng. Cùng với đó, việc đánh giá cán bộ theo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, theo các chỉ số công việc (KPI).

Lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo

Một điểm nổi bật khác khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp chính là tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Nhiều địa phương đã rất nỗ lực chuẩn hóa quy trình xử lý bằng việc số hóa, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao tính công khai, minh bạch và tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Đây là những bước chuyển quan trọng, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả và thực sự phục vụ Nhân dân.

Tại xã Nghĩa Lâm, theo đánh giá trên Công Dịch vụ công quốc gia, quý I/2026 địa phương xếp thứ 34/130 xã, phường toàn tỉnh, tăng mạnh so với vị trí 76/130 của năm 2025. Đặc biệt, chỉ số hài lòng của người dân đạt mức tối đa 18/18 điểm.

Để có được những chuyển biến này, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Nghĩa Lâm, Nguyễn Thị Mỹ Công cho rằng: Cán bộ, công chức không chỉ tiếp nhận hồ sơ mà còn trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ người cao tuổi, người yếu thể thực hiện các thủ tục trên môi trường số. Đặc biệt, cán bộ, công chức duy trì “Ngày thứ Bảy vì dân” định kỳ. Thay vì yêu cầu người dân đi hàng chục km đến trung tâm xã sau sáp nhập, cán bộ mang máy tính, thiết bị chuyên dụng xuống tận nhà văn hóa các xóm xa trung tâm và phát sinh nhiều thủ tục hành chính để giải quyết tại chỗ cho người dân.

Cũng xuất phát từ yêu cầu phục vụ người dân tốt hơn, xã Hoa Quân triển khai nhiều mô hình linh hoạt phù hợp với địa bàn rộng và dân cư phân tán. Đối với người cao tuổi, người khuyết tật hoặc người ốm đau, cán bộ, công chức trực tiếp đến tận nhà giải quyết các thủ tục hành chính thiết yếu.

Những việc làm tưởng nhỏ nhưng đã tạo nên sự thay đổi lớn trong cảm nhận của người dân về bộ máy chính quyền. Minh chứng rõ nhất là Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 (SIPAS 2025) của Nghệ An đạt 84,33%, xếp thứ 11/34 tỉnh, thành phố trong cả nước, nằm trong nhóm dẫn đầu và cao hơn mức bình quân chung.

Dù mới vận hành gần 1 năm và vẫn còn những khó khăn về chất lượng đội ngũ, năng lực thực thi công vụ chưa đồng đều giữa các địa phương, song những kết quả bước đầu đã cho thấy hướng đi đúng của chính quyền địa phương 2 cấp.

Nguồn: baonghean.vn

ĐÀ NẴNG: CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Dù Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 của Đà Nẵng tiếp tục được ghi nhận tích cực, nhưng bối cảnh mới đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết và cao hơn trong việc tiếp tục cải thiện vị trí cũng như bộ chỉ số thành phần PCI của địa phương.

Không tự mãn với kết quả đạt được

Ông Nguyễn Tiến Quang, Giám đốc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh miền Trung - Tây Nguyên (VCCI Đà Nẵng) cho rằng, Đà Nẵng sẽ không “hài lòng” với những kết quả đạt được trong bảng xếp hạng PCI 2.0 khi thành phố đang bước vào giai đoạn mới, đi kèm đó là những yêu cầu rất cao đối với việc cần đẩy nhanh và mạnh hơn nữa công tác cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng minh bạch, đúng pháp luật.

Việc cải thiện bộ chỉ số PCI đặt trong tình thế thành phố quyết liệt triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, giúp tinh gọn bộ máy, giảm các tầng nấc trung gian trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có thể tiếp cận cơ quan có thẩm quyền nhanh hơn, thời gian xử lý hồ sơ được rút ngắn và chi phí tuân

thủ hành chính được giảm bớt. Đây là yếu tố rất quan trọng trong bối cảnh doanh nghiệp đang cần tối ưu chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

“Kết quả PCI 2025 do VCCI công bố cho thấy Đà Nẵng tiếp tục nằm trong nhóm 5 địa phương có chất lượng điều hành kinh tế tốt nhất cả nước. Đây là minh chứng cho những nỗ lực cải cách hành chính, số hóa dịch vụ công và tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp của chính quyền thành phố trong thời gian qua.

Đặc biệt, trong bối cảnh PCI 2.0 được xây dựng để đánh giá năng lực điều hành theo mô hình phát triển mới của đất nước, việc Đà Nẵng tiếp tục duy trì vị trí trong nhóm dẫn đầu cho thấy thành phố đã có những nền tảng quan trọng về minh bạch, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, cạnh tranh bình đẳng và thiết chế pháp lý. Đây là những yếu tố rất quan trọng đối với nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp”, ông Nguyễn Tiến Quang khẳng định.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Tiến Quang cũng cho rằng, bên cạnh những kết quả tích cực, PCI 2025 cũng cho thấy một số vấn đề Đà Nẵng cần tiếp tục cải thiện để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phát huy hiệu quả cao hơn.

Thứ nhất, mặc dù thủ tục gia nhập thị trường được đánh giá rất cao nhưng khả năng tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh vẫn là vấn đề được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Quỹ đất sạch cho sản xuất, công nghiệp công nghệ cao, logistics và các dự án quy mô lớn vẫn còn hạn chế. Việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai ở một số lĩnh vực còn kéo dài.

Thứ hai, chỉ số điều hành năng động và tiên phong của chính quyền địa phương vẫn còn dư địa để cải thiện. Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động nhanh, doanh nghiệp mong muốn bộ máy chính quyền các cấp có tính chủ động cao hơn, mạnh dạn tháo gỡ các điểm nghẽn phát sinh từ thực tiễn thay vì chỉ thực hiện theo quy trình hành chính thông thường.

Trong khi đó, quá trình chuyển đổi sang mô hình chính quyền 2 cấp cũng đặt ra thách thức về năng lực thực thi ở cấp cơ sở. Nếu việc phân cấp không đi kèm với phân quyền đầy đủ, nguồn lực và trách nhiệm rõ ràng thì nguy cơ ách tắc hoặc đùn đẩy trách nhiệm vẫn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giải pháp trọng tâm

Để nâng cao năng lực bộ chỉ số PCI trong những năm tới, khi Đà Nẵng đã chính thức áp dụng một mô hình quản trị mới, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó có việc xác định kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển và góp phần quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố, ông Nguyễn Tiến Quang đề xuất cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm.

Đó là: tiếp tục phân cấp, phân quyền thực chất gắn với trách nhiệm giải trình. Những thủ tục liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp phải được giải quyết tại cấp gần doanh nghiệp nhất, đồng thời xác định rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu khi để xảy ra chậm trễ hoặc gây phiền hà; quy trình giải quyết thủ tục hành chính cần được số hóa, công khai tiến độ xử lý theo thời gian thực, giúp doanh nghiệp dễ dàng theo dõi và giám sát...

Ở một góc nhìn khác, ông Lê Văn Hiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cơ khí điện lạnh Seatech cho rằng việc cải thiện và nâng cao bộ chỉ số PCI của Đà Nẵng ở giai đoạn mới cần tập trung vào các nội dung như: tiếp tục cải cách bộ máy, tối ưu hóa quy trình thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số để đồng hành với doanh nghiệp.

Bức tranh chi tiết về tình hình chỉ số PCI của Đà Nẵng qua các năm 2024, 2025 và xu hướng năm 2026 cho thấy những nỗ lực nhằm phục hồi và giữ vững vị thế nhóm đầu, đồng thời đánh dấu sự trở lại tích cực của Đà Nẵng trong cuộc đua cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng cả nước. Việc lọt vào Top 5 PCI 2025 tạo ra một cú hích truyền thông và niềm tin rất lớn, giúp Đà Nẵng tăng tốc thu hút các dòng vốn đầu tư chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, vi mạch bán dẫn và kinh tế số.

Năm 2026, Đà Nẵng tiếp tục duy trì đà cải cách và đối mặt nhiều thử thách mới. Đứng ở cột mốc năm 2026, dòng chảy cải cách PCI và PGI (năng lực quản trị môi trường) của Đà Nẵng đang được vận hành một cách quyết liệt và thực chất hơn bao giờ hết dưới sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo thành phố, trên tinh thần ban hành các văn bản chỉ đạo rà soát nghiêm túc, yêu cầu người đứng đầu các sở, ban, ngành và địa phương phải chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các chỉ số thành phần bị giảm điểm hoặc có dấu hiệu chững lại.

Đồng thời tiếp tục tập trung nâng cao thái độ, năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở để giảm thiểu tối đa “chi phí không chính thức” và “chi phí thời gian” cho doanh nghiệp. Gắn chặt việc cải thiện năng lực cạnh tranh (PCI) với nâng cao năng lực quản trị môi trường (PGI) nhằm xây dựng một môi trường đầu tư “xanh”, thích ứng với xu hướng dòng vốn FDI thế hệ mới toàn cầu”, ông Lê Văn Hiếu cho hay.

Nguồn: baodanang.vn

QUẢNG NGÃI: TINH GỌN BỘ MÁY, ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH ĐỂ TĂNG TRƯỞNG

Sau gần một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được những chuyển biến quan trọng, khẳng định tính đúng đắn của một chủ trương mang tính cách mạng về tổ chức bộ máy. Việc tinh giản mạnh mẽ các tầng nấc trung gian không chỉ giúp bộ máy hoạt động thông suốt mà còn tạo xung lực mới thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đưa chính quyền đến gần dân, phục vụ nhân dân hiệu quả hơn.

Việc thành lập tỉnh Quảng Ngãi mới trên cơ sở sáp nhập tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) theo Nghị quyết của Trung ương đã tạo ra một đơn vị hành chính có diện tích tự nhiên 14.832,55km² dân số khoảng 2,1 triệu người. Trong bối cảnh thay đổi địa giới hành chính quy mô lớn, Quảng Ngãi đã quyết liệt thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp nhằm tinh gọn tổ chức, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực tế sau 12 tháng vận hành cho thấy, niềm tin về một hệ thống chính trị tinh giản đã được hiện thực hóa bằng những thành quả cụ thể trên mọi lĩnh vực quản lý nhà nước.

Nâng cao hiệu lực, tính chuyên nghiệp của hệ thống

Theo báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, điểm nhấn quan trọng nhất sau một năm chính là sự tinh giản mạnh mẽ ở cả khối Đảng, đoàn thể và chính quyền. Tại cấp tỉnh, số lượng đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã giảm 50% (từ 4 đơn vị xuống còn 2 đơn vị); các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy cũng giảm từ 10 xuống còn 5 cơ quan, đạt tỷ lệ tinh giản 50%. Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đã thực hiện sắp xếp từ 12 cơ quan xuống chỉ còn 1 cơ quan duy nhất, tương ứng mức giảm 91,6%. Sự thu gọn này đã giúp tập trung nguồn lực, tránh tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ vốn tồn tại nhiều năm qua.

Sau hơn một năm triển khai, chính quyền địa phương 2 cấp ở Quảng Ngãi đã vận hành hiệu quả, phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Đối với khối chính quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh đã sắp xếp lại từ 27 cơ quan chuyên môn và 2 tổ chức hành chính của hai tỉnh cũ xuống còn 14 sở, ngành và 1 tổ chức hành chính khác. Tại cấp cơ sở, toàn tỉnh hiện có 96 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 177 đơn vị so với trước thời điểm sắp xếp. Mặc dù số lượng đơn vị hành chính và cơ quan giảm mạnh, theo đánh giá chung, bộ máy mới đã nhanh chóng ổn định và đi vào nền nếp.

Hiệu quả của việc tinh gọn không chỉ dừng lại ở các con số giảm đầu mỗi. Theo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, đến nay 100% các cấp ủy, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã ban hành quy chế làm việc và quy định chức năng, nhiệm vụ theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm”. Việc rà soát này đã giúp chuẩn hóa lại toàn bộ quy trình vận hành, khắc phục triệt để tình trạng bỏ sót nhiệm vụ hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Tại các đơn vị cơ sở như phường Đức Phổ hay xã Kon Braih, khối lượng công việc ở giai đoạn chuyển tiếp rất lớn, bộ máy vẫn duy trì hoạt động ổn định.

Song song với kiện toàn tổ chức, công tác cán bộ được triển khai bài bản và nhân văn. Theo báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, tính từ ngày 1/7/2025 đến nay, tỉnh đã giải quyết chế độ chính sách cho 2.261 cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc do tác động của việc sắp xếp tổ chức. Đội ngũ ở lại được chuẩn hóa mạnh mẽ về trình độ chuyên môn: 100% cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có trình độ đại học trở lên; 92,2% cán bộ, công chức cấp xã đạt trình độ đại học.

Tỉnh đã biệt phái 47 công chức, viên chức cấp tỉnh về hỗ trợ cấp xã và điều động 178 cán bộ từ tỉnh về cơ sở đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chuyên môn, góp phần tháo gỡ khó khăn về nhân lực ngay từ những ngày đầu vận hành mô hình mới.

Đột phá cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số

Thành công thực chất nhất của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp chính là tốc độ bứt phá của công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số. Theo báo cáo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Hội nghị sơ kết, toàn tỉnh hiện đã cung cấp 2.183 dịch vụ công trực tuyến trên tổng số 2.243 dịch vụ, đạt tỷ lệ 97,33%; 100% thủ tục hành chính (tương đương 2.244 thủ tục) đã được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Điều này cho phép người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ và nhận kết quả tại bất kỳ điểm giao dịch nào trên toàn tỉnh.

Dữ liệu từ Ủy ban nhân dân tỉnh cho thấy, tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt kết quả cao với gần 100% hồ sơ đầu vào được số hóa, 98,9% kết quả được cấp bản điện tử và tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu đạt 94,61%. Nhằm phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng, phong trào “Bình dân học vụ số” đã được triển khai rộng khắp tại 96 xã, phường, đặc khu.

Chính sự vận hành hiệu quả, giảm bớt các khâu trung gian đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Dù phải đối mặt với nhiều xáo trộn về tổ chức, tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi đạt 10,02%, đứng thứ nhất trong vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, xếp thứ 6 trên toàn quốc. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 36 nghìn tỷ đồng, vượt dự toán Trung ương giao; GRDP bình quân đầu người đạt trên 100 triệu đồng, tăng hơn 10% so với năm 2024. Trong quý I/2026, đà tăng trưởng tiếp tục được duy trì với mức tăng GRDP ước đạt 8,24% so với cùng kỳ.

Hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công từ tỉnh đến xã đã vận hành ổn định, tiếp nhận trên 50.000 lượt đánh giá mức độ hài lòng từ tổ chức và cá nhân. Điều này minh chứng rằng việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã tạo ra sự tinh gọn, nhạy bén và phản ứng kịp thời của bộ máy hành chính trước những yêu cầu thực tiễn. Những thành quả bước đầu sau một năm vận hành chính là nền tảng vững chắc để Quảng Ngãi tiếp tục bứt phá, khẳng định vị thế là cực tăng trưởng quan trọng trong khu vực và cả nước trong giai đoạn tới.

Nguồn: daibieunhandan.vn

KHÁNH HÒA: SÁNG TẠO TRONG VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Khánh Hòa đang từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Từ giao nhiệm vụ theo mục tiêu tăng trưởng đến áp dụng hệ thống đánh giá công việc bằng chỉ số KPI trên nền tảng số, nhiều cách làm mới đang góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội.

Quyết liệt với nhiệm vụ tăng trưởng 2 con số

Ngay sau khi sắp xếp địa giới hành chính, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU chuyên đề về tăng trưởng kinh tế hai con số. Nghị quyết đặt ra mục tiêu sớm đưa tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030. Nghị quyết tập trung 4 trụ cột động lực tăng trưởng kinh tế và khơi thông 3 điểm nghẽn, nút thắt để tạo sức bật tăng trưởng cho kinh tế của tỉnh. Cách làm này góp phần tạo động lực thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội.

Thực tiễn, tại tỉnh Khánh Hòa kinh tế giữ vững được đà tăng trưởng ổn định. Trong đó, ngành du lịch tiếp tục khẳng định vai trò động lực khi đón 9,2 triệu lượt khách, tăng 52,9%; doanh thu đạt hơn 33.893 tỷ đồng, tăng 32,9% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) lũy kế tăng 7,05%; hoạt động thương mại-dịch vụ đạt hơn 91.800 tỷ đồng, tăng 17,1%. Thu ngân sách nhà nước đạt kết quả ấn tượng với hơn 23.779 tỷ đồng, bằng 63,2% dự toán và tăng 89,6% so với cùng kỳ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã xây dựng, ban hành Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cho cả nhiệm kỳ. Bên cạnh đó, Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh cũng được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn của địa phương, bảo đảm tính khả thi.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành quyết định giao tổng cộng 270 nhiệm vụ đột phá và 242 nhiệm vụ trọng tâm, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các nhiệm vụ nêu trên được phân công cho 102 đơn vị trên địa bàn tỉnh, bao gồm 18 đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và 64 xã, phường; 30 đơn vị thuộc khối chính quyền, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước.

Đổi mới đánh giá cán bộ bằng nền tảng số

Sau vận hành chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhất tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã quyết định giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền địa phương năm 2025 là 4.509 người (bao gồm công chức hiện có tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã).

Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, tỉnh Khánh Hòa hiện còn 838 trường hợp được tạm thời bố trí công tác đến ngày 30/5/2026. Địa phương đã hướng dẫn, rà soát việc tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp đủ điều kiện; tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách theo quy định đối với các trường hợp nghỉ công tác sau sắp xếp.

Sở Nội vụ đang phối hợp với cơ quan liên quan, xây dựng các tiêu chí để phân bổ biên chế công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, quy mô, tính chất quan trọng, yếu tố đặc thù (phân loại đơn vị hành chính, dân số, diện tích...) của cơ quan, đơn vị, địa phương theo mô hình tổ chức bộ máy mới, chính quyền địa phương 2 cấp.

Ông Huỳnh Mạnh Thắng, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa thông tin đối với các, sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý theo ủy quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Đối với cấp xã, 64 đơn vị đã ban hành quyết định phê duyệt khung danh mục vị trí việc làm. Việc các cơ quan chuyên môn và Ủy ban Nhân dân cấp xã đã phê duyệt vị trí việc làm tạo nền tảng dữ liệu cho quản lý biên chế và đánh giá công vụ.

Khánh Hòa cũng là một trong những địa phương tiên phong áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trên nền tảng số.

Theo Tỉnh ủy Khánh Hòa việc triển khai KPI tại Khánh Hòa đã góp phần nâng cao tinh thần tự giác, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; tạo động lực đẩy nhanh tiến độ, chất lượng công việc ở mức cao hơn; là cơ sở phục vụ đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đúng thực chất, khách quan, khoa học, phục vụ hiệu quả trong công tác cán bộ (quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm,...)

Trước mắt, để tạo cơ chế linh hoạt, chủ động cho các địa phương trong việc thu hút nguồn lực ngắn hạn, tỉnh Khánh Hòa hoàn chỉnh dự thảo Quyết định về việc ủy quyền ký kết hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ hoặc hỗ trợ phục vụ theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

Tỉnh đã điều động, luân chuyển 364 cán bộ; tăng cường 162 nhân sự thuộc các tổ công tác hỗ trợ chuyển đổi số về cấp xã nhằm tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

Sơ kết 1 năm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Khánh Hòa thẳng thắn nhìn nhận chất lượng cán bộ chưa đồng đều; năng lực chuyên môn thực tiễn, kỹ năng quản trị, điều hành của một bộ phận còn hạn chế. Ở cấp xã, cơ cấu nhân sự, đội ngũ chưa phù hợp yêu cầu mới sau sắp xếp bộ máy; “thừa người quen việc cũ, thiếu người làm việc mới.”

Chính vì thế, Tỉnh ủy Khánh Hòa ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cơ sở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030. Mục tiêu của địa phương nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, “đúng người - đúng việc - đúng địa bàn”.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐẮK LẮK: DỰ KIẾN SAU SẮP XẾP, GIẢM 1.245 ĐƠN VỊ, 9.715 NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk vừa ban hành Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy.

Dự kiến sau sắp xếp, Đắk Lắk giảm 1.245 đơn vị

Theo phương án, toàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 2.801 thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố.

Qua rà soát theo quy định, có 769 thôn, tổ dân phố bảo đảm tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình nên không thực hiện sắp xếp; 1.935 thôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn phải thực hiện sắp xếp.

Bên cạnh đó, toàn tỉnh Đắk Lắk có 97 đơn vị có yếu tố đặc thù về địa lý, dân cư, quốc phòng – an ninh hoặc thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xem xét giữ nguyên theo quy định.

Dự kiến sau khi hoàn thành việc sắp xếp, toàn tỉnh Đắk Lắk sẽ còn 1.556 thôn, tổ dân phố, giảm 1.245 đơn vị so với hiện nay.

Số người hoạt động không chuyên trách giảm 9.715 người sau sắp xếp

Đồng thời, số lượng người hoạt động không chuyên trách và người hỗ trợ làm việc trực tiếp tại thôn, tổ dân phố cũng sẽ giảm từ 28.278 người xuống còn 18.563 người, giảm 9.715 người.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu quá trình triển khai sắp xếp thôn, tổ dân phố phải bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

Đồng thời phải quan tâm các yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn biên giới.

Bên cạnh đó, các địa phương cần thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với những trường hợp bị ảnh hưởng do sắp xếp, bảo đảm ổn định tình hình cơ sở và tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Hoàn thành lấy ý kiến, xây đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trước 30/6/2026

Theo kế hoạch, các xã, phường sẽ hoàn thành việc lấy ý kiến Nhân dân, xây dựng đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước ngày 30/6/2026.

Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Việc sắp xếp được kỳ vọng góp phần tinh gọn đầu mối tổ chức ở cộng đồng dân cư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại cơ sở; tạo thuận lợi trong quản lý dân cư, quản lý địa bàn; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; đồng thời thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Nguồn: baohinhphu.vn

CẦN THƠ: DÒN LỰC HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU CHIẾN DỊCH “60 NGÀY ĐÊM” VỀ VNEID

Sau gần một tháng triển khai Chiến dịch “60 ngày đêm hướng dẫn người dân kích hoạt và tích hợp thông tin, dữ liệu trên VNeID mức 2”, Công an thành phố Cần Thơ đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử, tích hợp dữ liệu trên ứng dụng VNeID và làm sạch dữ liệu dân cư.

Với sự tham gia của lực lượng Công an các cấp, các tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên thanh niên và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử và tích hợp các loại giấy tờ trên ứng dụng VNeID được triển khai rộng khắp.

Nhiều địa phương đã chủ động huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của định danh điện tử và các tiện ích số.

Đến ngày 8/6/2026, toàn thành phố Cần Thơ đã cấp hơn 2,82 triệu tài khoản định danh điện tử mức 2 cho công dân, tỷ lệ kích hoạt đạt hơn 90%. Công tác làm sạch dữ liệu dân cư, tích hợp bảo hiểm y tế và tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID tiếp tục được các đơn vị duy trì thực hiện, góp phần phục vụ hiệu quả công tác chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn thành phố.

Đối với công dân từ đủ 6 đến dưới 14 tuổi, lực lượng Công an các cấp đã tăng cường phối hợp gia đình và các cơ sở giáo dục trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn và thu nhận hồ sơ

định danh điện tử. Đến nay, toàn thành phố đã thu nhận, truyền dữ liệu và được phê duyệt hơn 121 nghìn hồ sơ, đạt 26,39%.

Trong quá trình triển khai, một số đơn vị đã có cách làm chủ động, linh hoạt, huy động hiệu quả sự tham gia của chính quyền địa phương và các lực lượng tại cơ sở, qua đó đạt kết quả tương đối khả quan. Tiêu biểu như Công an phường Ô Môn, Công an phường Phước Thới, Công an xã Hiệp Hưng, Công an phường Vị Thanh, Công an xã Tân Bình và Công an xã Châu Thành với tỷ lệ thực hiện đạt hơn 40%.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện hiện nay vẫn chưa đồng đều giữa các địa bàn. Tại một số đơn vị, tiến độ thực hiện còn chậm; tỷ lệ cấp định danh điện tử cho trẻ em từ đủ 6 đến dưới 14 tuổi chưa đạt yêu cầu.

Công tác kích hoạt tài khoản định danh điện tử và tích hợp các loại giấy tờ trên ứng dụng VNeID ở một số địa phương còn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn thành phố. Bên cạnh đó, người cao tuổi, người yếu thế và những người còn hạn chế về kỹ năng công nghệ số vẫn cần được hỗ trợ nhiều hơn trong quá trình tiếp cận và sử dụng các tiện ích trên nền tảng VNeID.

Theo Đại tá Nguyễn Thanh Bình, Phó Giám đốc Công an thành phố Cần Thơ, thời gian còn lại của chiến dịch không nhiều trong khi vẫn còn một số chỉ tiêu đạt thấp, đòi hỏi Công an các xã, phường phải tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, bám sát địa bàn, rà soát từng nhóm đối tượng để có giải pháp phù hợp. Đồng thời, tăng cường phối hợp các cơ sở giáo dục, các tổ chức đoàn thể, tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử và tích hợp dữ liệu trên ứng dụng VNeID, nhất là đối với trẻ em trong độ tuổi cấp định danh điện tử và các nhóm đối tượng gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ.

Việc đánh giá tiến độ thực hiện giữa đợt cao điểm là cơ sở để Công an thành phố Cần Thơ kịp thời nhận diện những khó khăn, tồn tại và đề ra các giải pháp phù hợp, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chiến dịch “60 ngày đêm”, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số và cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

Nguồn: nhandan.vn

THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI: CHẤM CHỈNH TÌNH TRẠNG HỒ SƠ HÀNH CHÍNH GIẢI QUYẾT QUÁ HẠN

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai vừa ban hành văn bản chỉ đạo Công an thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường cùng Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương rà soát, xử lý các hồ sơ thủ tục hành chính đang bị quá hạn nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Theo Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai, thời gian qua vẫn còn xảy ra tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính bị giải quyết chậm so với quy định, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả quản lý nhà nước. Trước thực trạng này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai đã có văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung rà soát, kiểm tra, đánh giá nguyên nhân dẫn đến tình trạng hồ sơ quá hạn, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các đơn vị, địa phương quán triệt và đề cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hành chính; kiên quyết xử lý tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, né tránh hoặc chậm trễ trong thực thi nhiệm vụ. Kết quả thực hiện phải được tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 14/6/2026.

Đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đất đai.

Cùng với đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh thực hiện Đề án 06, tập trung triển khai việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đối với 5 thủ tục hành chính và các dịch vụ công liên quan đến lĩnh vực đất đai theo quy định, bảo đảm tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ.

Theo lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố, việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai cũng giao Công an thành phố rà soát toàn bộ quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố. Mục tiêu là kịp thời phát hiện những tồn tại, bất cập, không để phát sinh thêm hồ sơ quá hạn làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, người đứng đầu Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu lãnh đạo các sở, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ được giao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm chất lượng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các đơn vị phải kịp thời báo cáo để được xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Việc chấn chỉnh công tác giải quyết thủ tục hành chính được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, hạn chế tình trạng hồ sơ trễ hẹn, đồng thời tạo dựng môi trường hành chính công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ.

Nguồn: daibieunhandan.vn

ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ QUỐC GIA THEO PHƯƠNG CHÂM KIẾN TẠO, VÌ DÂN

Đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân là định hướng lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với quá trình đổi mới quản trị quốc gia ở Việt Nam trong giai đoạn mới. Đây là bước chuyển quan trọng trong tư duy, phát triển đất nước theo hướng hiện đại, pháp quyền, nhân văn và bền vững. Bài viết làm rõ những vấn đề chung về đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân, chỉ ra thực trạng quản trị quốc gia hiện nay, đề xuất định hướng đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân trong thời gian tới.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam sau gần 40 năm đổi mới, những thành tựu đạt được là rất quan trọng, song thực tiễn cũng cho thấy nhiều thách thức mới đặt ra đối với năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực thi quyền lực nhà nước. Tình trạng thể chế chồng chéo, pháp luật khó thực thi, cơ chế “xin – cho” chưa được khắc phục triệt để... đang là những rào cản đối với phát triển nhanh và bền vững. Theo đó, yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân được đặt ra một cách rõ ràng, trực diện, gắn chặt với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng. Luận điểm này không chỉ phản ánh yêu cầu cấp bách của thực tiễn quản lý, điều hành đất nước mà còn thể hiện sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy lãnh đạo, từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển, từ kiểm soát sang phục vụ, từ “xin – cho” sang kiến tạo. Việc nghiên cứu, làm rõ nội dung và giá trị định hướng của quan điểm đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân có ý nghĩa quan trọng, góp phần luận giải cơ sở lý luận, thực tiễn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

2. Những vấn đề chung về quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân

Quản trị quốc gia là tổng thể các hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực thi quyền lực nhà nước nhằm định hướng, điều phối và thúc đẩy sự phát triển của quốc gia theo những mục tiêu xác định. Trong điều kiện hiện nay, khi yêu cầu phát triển nhanh, bền vững gắn với bảo đảm công bằng xã hội, ổn định chính trị và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân ngày càng trở nên cấp thiết, quản trị quốc gia không chỉ dừng lại ở chức năng quản lý hành chính truyền thống mà phải được tiếp cận như một quá trình kiến tạo phát triển, lấy con người làm trung tâm.

Phương châm kiến tạo, vì dân trong quản trị quốc gia không phải là một khẩu hiệu mang tính định hướng chung chung mà là yêu cầu có nội hàm rõ ràng, gắn với đổi mới thể chế, tổ chức quyền lực nhà nước và phương thức cầm quyền của Đảng trong bối cảnh mới. Khẳng định rõ hơn mô hình quản trị quốc gia trong giai đoạn tới là quản trị dựa trên pháp luật minh bạch, dữ liệu tin cậy, hạ tầng số hiện đại, bộ máy tinh gọn, cán bộ liêm chính, kỷ cương đi đôi với phục vụ. Quản trị như vậy là quản trị kiến tạo phát triển, không phải quản trị xin - cho¹.

Tính kiến tạo của quản trị quốc gia thể hiện ở việc Nhà nước chủ động tháo gỡ các rào cản thể chế, khơi thông các nguồn lực xã hội, tạo môi trường thuận lợi để người dân và doanh nghiệp phát huy năng lực sáng tạo, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội. Trong mô hình này, Nhà nước không làm thay thị trường, không bao biện cho xã hội, mà tập trung vào những chức năng cốt lõi như hoạch định chiến lược phát triển, bảo đảm trật tự pháp lý, điều tiết vĩ mô và bảo vệ lợi ích công cộng. Tính vì dân của quản trị quốc gia thể hiện ở mục tiêu tối thượng là phục vụ lợi ích của Nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Phương châm quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân được hình thành trên cơ sở tổng kết sâu sắc thực tiễn phát triển đất nước và yêu cầu đổi mới mô hình quản lý trong bối cảnh mới. Thực tiễn cho thấy, mô hình quản lý nặng về mệnh lệnh hành chính, cơ chế “xin - cho”, kiểm soát đầu vào đã bộc lộ nhiều hạn chế, không còn phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tình trạng nhiều đạo luật được ban hành công phu nhưng “luật thì đúng mà làm thì khó”, “trên nghị trường thì thông, xuống cơ sở thì vướng”². Đây là biểu hiện điển hình của sự bất cập trong tư duy quản lý và tổ chức thực thi quyền lực nhà nước. Do đó, đổi mới quản trị quốc gia theo hướng kiến tạo, vì dân là yêu cầu tất yếu nhằm khắc phục những hạn chế đó, bảo đảm pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, phục vụ phát triển và đáp ứng kỳ vọng của Nhân dân. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, cũng đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức quản trị quốc gia. Quản trị hiện đại không thể tách rời việc ra quyết định dựa trên dữ liệu tin cậy, quy trình minh bạch và trách nhiệm giải trình rõ ràng.

Quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân có những đặc trưng cơ bản:

Một là, quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân là quản trị dựa trên pháp luật minh bạch và khả thi. Pháp luật không chỉ là công cụ quản lý mà là nền tảng của phát triển. Pháp luật phải “dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thực hiện”, hạn chế tối đa khoảng mờ pháp lý dẫn đến lạm quyền hoặc né tránh trách nhiệm. Một đạo luật tốt là đạo luật giải quyết được vấn đề thực tiễn, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Hai là, quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân gắn với bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tinh gọn không chỉ là giảm đầu mối tổ chức mà quan trọng hơn là xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, từng cấp chính quyền. Bộ máy vận hành thông suốt là điều kiện để Nhà nước phản ứng kịp thời với yêu cầu của người dân và thực tiễn phát triển.

Ba là, quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân đòi hỏi phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Nơi nào cấp dưới có thể quyết nhanh, sát dân hơn thì phải mạnh dạn giao quyền, nhưng giao quyền phải đi liền với nguồn lực, công cụ và hành lang pháp lý an toàn. Điều này thể hiện rõ quan điểm quản trị hiện đại: quyền lực phải được trao đúng chỗ, đi đôi với trách nhiệm và sự giám sát.

Bốn là, quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân đặt người dân vào vị trí trung tâm của quá trình quản trị. Người dân không chỉ là đối tượng phục vụ mà là chủ thể tham gia vào xây dựng, thực thi và giám sát chính sách. Điều này đòi hỏi phải mở rộng và thực chất hóa các cơ chế dân chủ, phản biện xã hội, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội.

Năm là, quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân gắn chặt với đạo đức công vụ và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Bộ máy quản trị chỉ có thể vận hành hiệu quả khi đội ngũ cán bộ liêm chính, tận tụy, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ những người dám đổi mới, sáng tạo trong khuôn khổ pháp luật.

Quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân có mối liên hệ mật thiết với Nhà nước pháp quyền XHCN. Quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân có mối quan hệ hữu cơ với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước pháp quyền không chỉ là có hệ thống pháp luật đầy đủ mà trước hết là sự thượng tôn *Hiến pháp* và pháp luật, kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch và giải trình trước Nhân dân. Trong mô hình này, quản trị kiến tạo chính là phương thức hiện thực hóa các giá trị cốt lõi của Nhà nước pháp quyền. Khi quyền lực được ràng buộc bởi pháp luật, được phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ thì quản trị quốc gia mới thực sự vì dân, hạn chế được tình trạng tùy tiện, xin – cho và lạm quyền.

Trong quản trị quốc gia kiến tạo, vì dân, vai trò lãnh đạo của Đảng là không thể phủ nhận. Quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân chỉ có thể được thực hiện hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Đảng không làm thay Nhà nước hay áp đặt mệnh lệnh hành chính, mà là lãnh đạo bằng đường lối đúng, bằng nêu gương, bằng tổ chức thực hiện hiệu quả và bằng trách nhiệm trước Nhân dân.

3. Thực trạng quản trị quốc gia ở nước ta hiện nay

Những năm qua, quản trị quốc gia ở Việt Nam đã có nhiều đổi mới quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

Thứ nhất, thể chế quản trị quốc gia từng bước được hoàn thiện theo hướng pháp quyền, hiện đại. Hệ thống pháp luật và thể chế quản lý nhà nước tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập quốc tế. Nhiều đạo luật quan trọng liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, quản lý kinh tế, bảo đảm quyền con người, quyền công dân được ban hành hoặc sửa đổi, góp phần tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng đồng bộ cho quản trị quốc gia. Nguyên tắc thượng tôn *Hiến pháp* và pháp luật từng bước được đề cao, tạo nền tảng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ hai, bộ máy nhà nước từng bước được sắp xếp, tinh gọn theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Việc triển khai các chủ trương về tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp lại các cơ quan trong hệ thống chính trị đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Tại Trung ương, đã giảm 4 cơ quan Đảng, 25 ban cán sự đảng, 16 đảng đoàn trực thuộc Trung ương; 5 cơ quan của Quốc hội; 5 bộ và 3 cơ quan trực thuộc Chính phủ; 30 đầu mối cấp tổng cục và

tương đương; 1.025 đơn vị cấp cục, vụ và tương đương; 4.413 đầu mỗi cấp chi cục, phòng và tương đương; 240 đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ. việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đã đạt được kết quả mang tính bước ngoặt: cắt giảm 46% đầu mỗi cấp tỉnh, còn 34 đơn vị (gồm 6 thành phố trực thuộc Trung ương và 28 tỉnh); giảm từ 10.035 đơn vị cấp xã xuống còn 3.321 đơn vị; toàn bộ 696 đơn vị hành chính cấp huyện kết thúc hoạt động. Quá trình sắp xếp này giúp giảm gần 250.000 biên chế, tiết kiệm 190.500 tỷ đồng chi tiền lương và chi hành chính giai đoạn 2026 - 2030. Bên cạnh đó, hơn 4.200 trụ sở công đôi dư sẽ được ưu tiên chuyển thành trường học, bệnh viện và cơ sở văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng³. Nhiều khâu trung gian đã được giảm bớt, điều này góp phần khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong quản lý, đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống quản trị quốc gia.

Thứ ba, phân cấp, phân quyền trong quản trị quốc gia từng bước được đẩy mạnh. Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền, gắn với cải cách thủ tục hành chính. Ở nhiều lĩnh vực, chính quyền địa phương được trao thêm quyền chủ động trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, qua đó phát huy tốt hơn tính năng động, sáng tạo và trách nhiệm của cấp cơ sở. Phân cấp, phân quyền đã góp phần rút ngắn quy trình giải quyết công việc, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, cải cách hành chính và chuyển đổi số trong quản trị quốc gia đạt nhiều kết quả tích cực. Cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh với trọng tâm là đơn giản hóa quy trình, cắt giảm giấy tờ, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Theo báo cáo, tính đến tháng 9/2025, cả nước đã đề xuất bãi bỏ 519 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 2.421 thủ tục liên quan đến sản xuất - kinh doanh, đạt khoảng 60,14% tiến độ kế hoạch đề ra trong năm 2025, tạo thuận lợi rõ rệt cho hoạt động của doanh nghiệp và người dân. Từ ngày 1/7 - 30/9/2025, khoảng 7 triệu hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận và tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt tới 91%, cho thấy hiệu quả trong công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ hành chính trên môi trường số⁴.

Thứ năm, vai trò của người dân và xã hội trong quản trị quốc gia từng bước được mở rộng. Các cơ chế dân chủ, giám sát và phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được quan tâm, hoàn thiện. Người dân có điều kiện tham gia nhiều hơn vào quá trình xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước và củng cố niềm tin của nhân dân đối với hệ thống quản trị quốc gia.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quản trị quốc gia vẫn còn một số hạn chế, có thể kể đến như: chất lượng thể chế và pháp luật chưa đồng đều, còn khoảng cách giữa ban hành và thực thi. Mặc dù hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, song vẫn tồn tại tình trạng quy định chồng chéo, thiếu thống nhất, khó áp dụng trong thực tiễn. Nhiều chính sách, pháp luật khi đi vào cuộc sống còn gặp vướng mắc, làm giảm hiệu quả quản trị và gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Bộ máy quản trị quốc gia ở một số lĩnh vực vẫn còn rườm rà, hiệu quả chưa cao. Việc tinh gọn tổ chức bộ máy ở một số nơi còn mang tính hình thức; phân định chức

năng, nhiệm vụ chưa thật sự rõ ràng, dẫn đến tình trạng né tránh trách nhiệm hoặc đùn đẩy công việc giữa các cơ quan.

Phân cấp, phân quyền chưa gắn chặt với nguồn lực và trách nhiệm giải trình. Ở một số lĩnh vực, việc giao quyền chưa đi liền với bảo đảm về nguồn lực, nhân lực và hành lang pháp lý an toàn, khiến cán bộ cơ sở e ngại, không dám quyết, làm giảm hiệu quả quản trị và phục vụ người dân. Tư duy quản lý hành chính, cơ chế xin - cho vẫn tồn tại ở một số khâu. Mặc dù đã có nhiều đổi mới, song ở không ít lĩnh vực, phương thức quản trị vẫn nặng về kiểm soát, thủ tục, chưa thực sự chuyển sang mô hình kiến tạo, phục vụ, làm giảm tính năng động và hiệu quả của quản trị quốc gia.

4. Định hướng đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân

Một là, đổi mới tư duy quản trị quốc gia theo hướng kiến tạo phát triển, lấy người dân làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu của mọi chính sách.

Yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy “quản lý” sang “quản trị”, từ điều hành hành chính đơn thuần sang kiến tạo phát triển. Đây là định hướng có ý nghĩa nền tảng, chi phối toàn bộ tiến trình đổi mới quản trị quốc gia trong giai đoạn tới. Quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân đòi hỏi Nhà nước không chỉ ban hành và áp đặt mệnh lệnh hành chính, mà phải đóng vai trò định hướng, dẫn dắt, tạo lập môi trường thể chế thuận lợi để người dân, doanh nghiệp và các chủ thể xã hội phát huy sáng kiến, nguồn lực và tinh thần tự chủ. Trong đó, người dân không còn là đối tượng bị quản lý mà trở thành trung tâm của quá trình hoạch định, thực thi và giám sát chính sách công.

Định hướng này đặt ra yêu cầu đổi mới sâu sắc nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về bản chất quyền lực nhà nước là quyền lực được nhân dân ủy thác; hiệu quả quản trị phải được đo lường bằng mức độ hài lòng, tin tưởng và thụ hưởng thực chất của người dân. Đồng thời, tư duy kiến tạo còn gắn liền với việc khuyến khích đổi mới sáng tạo, chấp nhận thử nghiệm chính sách trong khuôn khổ pháp luật, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Chỉ khi tư duy quản trị được đổi mới một cách căn bản theo hướng vì dân, kiến tạo thì các cải cách thể chế, bộ máy và phương thức điều hành mới có nền tảng bền vững và thực chất.

Hai là, hoàn thiện thể chế quản trị quốc gia đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và khả năng thực thi cao.

Thể chế vẫn là “điểm nghẽn của điểm nghẽn” trong quản trị quốc gia hiện nay. Do đó, đổi mới quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân trước hết phải được thể hiện bằng việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật đồng bộ, thống nhất, dễ hiểu, dễ thực hiện và ổn định. Thể chế không chỉ là công cụ quản lý mà phải trở thành động lực thúc đẩy phát triển, giải phóng nguồn lực xã hội, bảo đảm công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Định hướng này đòi hỏi rà soát, loại bỏ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, cản trở đổi mới sáng tạo; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, từ kiểm soát thủ tục sang quản lý theo kết quả. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng xây dựng chính sách trên cơ sở khoa học, thực tiễn và tham vấn rộng rãi ý kiến người dân, doanh nghiệp, chuyên gia. Việc thể chế hóa

kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là những nội dung mới về quản trị quốc gia, có ý nghĩa quyết định trong việc đưa tư tưởng “kiến tạo, vì dân” đi vào cuộc sống. Thể chế càng minh bạch, ổn định và có khả năng dự báo cao thì niềm tin xã hội càng được củng cố, hiệu quả quản trị quốc gia càng được nâng lên.

Ba là, tinh gọn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại.

Yêu cầu xây dựng bộ máy “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”. Đây là điều kiện trực tiếp để hiện thực hóa phương châm quản trị kiến tạo, vì dân. Đổi mới quản trị quốc gia không thể thành công nếu bộ máy cồng kềnh, phân công chồng chéo, trách nhiệm không rõ ràng và đội ngũ cán bộ thiếu năng lực, thiếu động lực cống hiến.

Định hướng này đòi hỏi tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng cung ứng dịch vụ công. Đồng thời, phải đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, lấy hiệu quả phục vụ nhân dân và kết quả thực thi nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản trị quốc gia cần gắn với chuẩn mực đạo đức công vụ, tinh thần liêm chính, trách nhiệm giải trình và năng lực thích ứng với bối cảnh chuyên đổi số. Chỉ khi bộ máy vận hành thông suốt và cán bộ, công chức thực sự vì dân, thì quản trị quốc gia mới chuyển từ hình thức sang thực chất.

Bốn là, tăng cường ứng dụng công nghệ số và phát huy sự tham gia của xã hội trong quản trị quốc gia.

Quản trị quốc gia theo phương châm kiến tạo, vì dân không thể tách rời tiến trình chuyển đổi số và yêu cầu mở rộng dân chủ trong quản lý xã hội. Theo đó, cần coi công nghệ số là công cụ quan trọng để nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng giám sát trong quản trị quốc gia. Chính phủ số, chính quyền số không chỉ nhằm hiện đại hóa phương thức điều hành mà còn tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ công thuận lợi, bình đẳng và an toàn.

Định hướng này yêu cầu đẩy mạnh xây dựng nền quản trị dựa trên dữ liệu, kết nối liên thông giữa các cơ quan nhà nước, giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế cơ hội phát sinh tiêu cực. Đồng thời, cần thiết lập các cơ chế để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia nhiều hơn vào quá trình phản biện, giám sát và đồng hành cùng Nhà nước trong quản trị quốc gia. Khi tiếng nói của người dân được lắng nghe, khi công nghệ trở thành công cụ phục vụ con người, thì phương châm “kiến tạo, vì dân” mới thực sự trở thành giá trị cốt lõi của quản trị quốc gia Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới

Tiến sĩ Cao Thị Dung

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Nguồn: quanlynhanuoc.vn

Chú thích:

1, 2. Phương châm “Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đột phá – Phát triển” của Đại hội là lời hiệu triệu, là mệnh lệnh của trách nhiệm trước lịch sử. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/20/phuong-cham-doan-ket-dan-chu-ky-cuong-dot-pha-phat-trien-cua-dai-hoi-la-loi-hieu-trieu-la-menh-lenh-cua-trach-nhiem-truoc-lich-su/>

3. *Đổi mới quản trị quốc gia trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.* <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/09/23/doi-moi-quan-tri-quoc-gia-trong-ky-nguyen-so-tai-viet-nam>.

4. Bộ Tài chính (2025). *Công tác cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số đạt nhiều kết quả*, <https://www.nso.gov.vn/default/2026/01/cong-tac-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-chuyen-doi-so-dat-nhieu-ket-qua/>.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025). *Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục hoàn thiện thể chế, bộ máy, phân cấp, phân quyền và quản trị quốc gia.*

2. Nguyễn Đăng Dung (2023). *Kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.* Tạp chí Lý luận chính trị, số 9 (tháng 9/2023), tr. 25-33.

3. *Việt Nam thay đổi thế nào sau sáp nhập tỉnh thành.* <https://vnexpress.net/viet-nam-thay-doi-the-nao-sau-sap-nhap-tinh-thanh-4885968.html>.

VIỆT NAM TÁI CƠ CẤU TOÀN DIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT, LOẠI BỎ RÀO CẢN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Ngay sau khi có bài phát biểu quan trọng trong khuôn khổ Hội nghị Tương lai châu Á lần thứ 31 diễn ra ngày 11/6/2026 tại Tokyo, Nhật Bản, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đã tham gia thảo luận và trả lời câu hỏi về triển vọng tăng trưởng, vấn đề cải cách thể chế, pháp luật, tinh gọn bộ máy và phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam.

Nhiều giải pháp đồng bộ để quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng

Trong bối cảnh áp lực thuế quan và xung đột tại Trung Đông, Phó Thủ tướng đánh giá thế nào về triển vọng Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2026 và các năm tiếp theo? Các giải pháp chính Việt Nam đang triển khai?

Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu: Chủ đề này được cộng đồng quốc tế rất quan tâm khi nhắc tới Việt Nam trong thời gian gần đây.

Kinh nghiệm phát triển của các nước cho thấy, để vượt qua bẫy thu nhập trung bình thì cần có tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian dài. Theo đó, với khát vọng thực hiện thành công 2 mục tiêu 100 năm và trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045, mục tiêu tăng trưởng hai con số là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của Việt Nam hiện nay.

Tuy đây là một mục tiêu rất thách thức, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đang quyết tâm triển khai một số định hướng, giải pháp cụ thể.

Trước hết, Việt Nam ưu tiên củng cố các yếu tố nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững. Trong đó, nhiệm vụ hàng đầu là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đồng thời, chúng tôi tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm liên kết khu vực với mạng lưới 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), kết nối với khoảng 60 nền kinh tế và là điểm đến chiến lược của nhiều tập đoàn, nhà đầu tư lớn trên thế giới.

Thứ hai, Việt Nam tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho tăng trưởng. Như tôi đã chia sẻ trong bài phát biểu, tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội của Việt Nam trong giai đoạn 2026 - 2030 là khoảng 38,5 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 1.500 tỷ USD. Đây là con số rất lớn. Trong đó, đầu tư công đóng vai trò vốn môi, tập trung vào các dự án có tính lan tỏa và dẫn dắt cao nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, thúc đẩy liên kết giữa khu vực tư nhân trong nước với khu vực đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, Việt Nam đang đổi mới căn bản mô hình tổ chức và vận hành nền kinh tế. Chúng tôi nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển mới dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Mục tiêu là nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, qua đó tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Song song với đó, Việt Nam đang tiến hành tổng rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm nhận diện đầy đủ những điểm nghẽn, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo đang cản trở sự phát triển kinh tế-xã hội. Trên cơ sở đó, chúng tôi thực hiện tái cơ cấu hệ thống pháp luật và xác định thể chế, pháp luật chính là động lực phát triển, là nguồn lực và cũng là lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Thể chế pháp luật là một lợi thế cạnh tranh quốc gia

Việt Nam đang đẩy nhanh tinh gọn bộ máy và cải cách thể chế, pháp luật để phục vụ các mục tiêu phát triển. Xin Phó Thủ tướng cho biết cách thức để Việt Nam đạt các mục tiêu cải cách nêu trên mà vẫn bảo đảm môi trường đầu tư-kinh doanh ổn định, minh bạch để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư nước ngoài?

Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu: Năm 2025, Việt Nam triển khai cuộc cải cách mạnh mẽ về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ. Chúng tôi nghiên cứu sắp xếp, hợp nhất các bộ, ngành theo hướng đa ngành thay cho mô hình quản lý chuyên ngành truyền thống. Đối với cấp địa phương, Việt Nam tổ chức lại mô hình chính quyền từ ba cấp xuống hai cấp và chấm dứt hoạt động của chính quyền cấp huyện, qua đó loại bỏ một cấp trung gian trong bộ máy hành chính.

Để bảo đảm bộ máy mới vận hành thông suốt, hiệu quả, Việt Nam xây dựng chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở các định hướng từ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Trên nền tảng đó, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều nghị quyết chiến lược trên các lĩnh vực, xác định rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng và các chỉ tiêu phát triển. Đây sẽ là cơ sở để Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Chúng tôi đồng thời nghiên cứu tái cơ cấu toàn diện hệ thống pháp luật. Một trong những yêu cầu quan trọng của pháp luật là tính ổn định. Để đạt được điều đó, cần nghiên cứu kỹ thực tiễn, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, xây dựng chính sách và đánh giá tác động một cách thận trọng, toàn diện.

Trên cơ sở dự báo dài hạn và bám sát các định hướng chiến lược phát triển đất nước, Việt Nam đang xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, hiện đại, kế thừa những quy định còn phù hợp và loại bỏ những quy định không còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nguyên tắc xuyên suốt là không hồi tố đối với những quy định bất lợi cho người dân và doanh nghiệp. Các thể chế mới phải bảo đảm tính ổn định, tạo động lực phát triển và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chúng tôi hướng tới một hệ thống pháp luật minh bạch, công khai, dễ tiếp cận và thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển.

Xác định thể chế pháp luật là một lợi thế cạnh tranh quốc gia, chúng tôi đang nỗ lực cắt giảm những quy định không cần thiết, loại bỏ các rào cản đối với hoạt động của doanh nghiệp và sự phát triển của đất nước.

Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của mô hình phát triển mới

Đào tạo nhân lực, phát triển lực lượng lao động chất lượng cao là một giải pháp nền tảng để đổi mới mô hình phát triển của Việt Nam dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo,

chuyển đổi số. Xin Phó Thủ tướng cho biết những ưu tiên lớn và các định hướng, giải pháp của Việt Nam trong vấn đề này?

Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu: Tôi cho rằng ở bất kỳ quốc gia nào, trong bất kỳ giai đoạn phát triển nào, nguồn nhân lực cũng là yếu tố then chốt. Khi xác định mô hình phát triển đất nước dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Việt Nam cũng đồng thời xác định nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho mục tiêu đó.

Từ định hướng này, chúng tôi tập trung đầu tư cho các cơ sở đào tạo trọng điểm nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân tài và đội ngũ tiên phong trong các lĩnh vực công nghệ. Đồng thời, Nhà nước giao nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ sở đào tạo, từ giáo dục đại học, sau đại học đến giáo dục nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, Việt Nam chú trọng định hướng nghề nghiệp ngay từ bậc phổ thông. Chúng tôi đưa trí tuệ nhân tạo (AI) vào chương trình giáo dục với lộ trình phù hợp cho từng cấp học, đồng thời xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong việc sử dụng AI. Chương trình giáo dục STEM cũng được triển khai mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học cho thế hệ trẻ.

Cùng với các chính sách khuyến khích người học, chúng tôi cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp phát triển.

Về thể chế, Việt Nam tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật nhằm tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đối với chất lượng đào tạo. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích các trường đổi mới chương trình giảng dạy, mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực.

Trong chuyến công tác lần này tại Nhật Bản, chúng tôi đã làm việc với nhiều bộ, ngành và đối tác để thúc đẩy hợp tác đào tạo nguồn nhân lực. Chẳng hạn, với Bộ Tư pháp Nhật Bản, chúng tôi trao đổi về hợp tác đào tạo nhân lực trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật. Với Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản, chúng tôi thảo luận các chương trình hợp tác giáo dục. Với JICA, chúng tôi thúc đẩy các dự án hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Trường Đại học Việt Nhật là một ví dụ điển hình cho mô hình hợp tác thành công giữa hai nước trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đặc biệt, chúng tôi vẫn khuyến khích các cơ sở đào tạo mở rộng hợp tác với nhiều đối tác quốc tế khác.

Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế, chính sách và đóng vai trò cầu nối để tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam với các nước trên thế giới. Mục tiêu là xây dựng đội ngũ nhân lực không chỉ đủ về số lượng mà còn bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nguồn: baohinhphu.vn

NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW - “CÚ HÍCH” CHO KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân là dấu mốc quan trọng khi lần đầu tiên xác định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế. Trao đổi với phóng viên, PGS, TS Nguyễn Thường Lạng, chuyên gia kinh tế và thương mại quốc tế, giảng viên Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế (Đại học Kinh tế Quốc dân) đã đánh giá những chuyển biến tích cực trong tư duy phát triển cũng như môi trường chính sách sau hơn một năm triển khai thực hiện nghị quyết.

Phóng viên: *Thưa ông, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị được xem là một bước ngoặt trong tư duy phát triển. Sau hơn một năm kể từ khi nghị quyết được ban hành, ông đánh giá như thế nào về những chuyển biến của khu vực kinh tế tư nhân?*

PGS, TS Nguyễn Thường Lạng: Nghị quyết số 68-NQ/TW đã tạo ra một dấu mốc quan trọng trong tư duy phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là cách nhìn nhận đối với khu vực kinh tế tư nhân. Nếu như trước đây, khu vực tư nhân thường được xem như một thành phần hỗ trợ cho nền kinh tế, thì nay đã được xác định rõ là một động lực quan trọng của tăng trưởng. Sự thay đổi trong nhận thức này mang ý nghĩa rất lớn, bởi khi tư duy thay đổi thì chính sách, cách điều hành và môi trường phát triển cũng sẽ thay đổi theo hướng tích cực hơn.

Sau một năm triển khai, tôi cho rằng điều dễ nhận thấy nhất là niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp tư nhân đã được củng cố đáng kể. Nhiều doanh nghiệp cảm nhận rõ hơn thông điệp đồng hành của Đảng và Nhà nước đối với khu vực tư nhân. Đây là yếu tố rất quan trọng trong bối cảnh doanh nghiệp đang phải đối mặt với nhiều áp lực như suy giảm nhu cầu thị trường, chi phí đầu vào tăng cao, cạnh tranh quốc tế ngày càng lớn và những biến động khó lường của kinh tế thế giới.

Bên cạnh yếu tố niềm tin đã xuất hiện những chuyển biến tích cực trong cải cách thể chế và môi trường đầu tư kinh doanh. Một số bộ, ngành và địa phương đã chủ động rà soát thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết, thúc đẩy chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp. Tinh thần kiến tạo và phục vụ doanh nghiệp đã được nhấn mạnh mẽ hơn trong hoạt động quản lý nhà nước.

Phóng viên: *Đã có những chuyển biến nào mang tính đột phá như kỳ vọng chưa, thưa ông?*

PGS, TS Nguyễn Thường Lạng: Nếu nói về những chuyển biến mang tính đột phá đúng như kỳ vọng của Nghị quyết số 68-NQ/TW thì theo tôi, chúng ta đã có tín hiệu tích cực nhưng chưa thể nói là đã đạt tới mức đột phá toàn diện. Điều này cũng dễ hiểu bởi quá trình

thay đổi tư duy quản lý, cải cách thể chế và nâng cao năng lực của doanh nghiệp cần thời gian đủ dài để tạo ra hiệu ứng rõ nét.

Tuy nhiên, vẫn có một số điểm đáng chú ý có thể xem là bước chuyển quan trọng. Trước hết là sự thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân. Hiện nay, nhiều địa phương đã chủ động hơn trong việc thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân thay vì chỉ tập trung vào khu vực đầu tư công hay doanh nghiệp FDI như trước.

Một chuyên biến đáng chú ý khác là tinh thần cải cách hành chính và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước đã được thúc đẩy nhanh hơn. Nhiều thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, kê khai thuế, hải quan hay cấp phép đầu tư đã được thực hiện trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, khu vực doanh nghiệp tư nhân cũng đang có những bước tiến đáng kể về quy mô và năng lực cạnh tranh. Một số tập đoàn tư nhân Việt Nam đã tham gia vào các lĩnh vực trước đây vốn được xem là sân chơi của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp nước ngoài như hạ tầng, logistics, công nghệ, hàng không, công nghiệp chế biến hay năng lượng tái tạo.

Chúng ta đã đi đúng hướng và đã có những chuyển biến tích cực, nhưng để tạo ra đột phá đúng nghĩa thì cần một giai đoạn quyết liệt hơn trong cải cách thể chế, nâng cao chất lượng thực thi chính sách và xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững.

Phóng viên: Trong thời gian tới, đâu là ưu tiên trọng tâm cần thực hiện để đạt mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, thưa ông?

PGS, TS Nguyễn Thường Lạng: Để đạt được mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, ưu tiên quan trọng nhất trong thời gian tới vẫn là hoàn thiện thể chế và tạo lập môi trường kinh doanh thực sự thuận lợi, minh bạch và ổn định cho khu vực kinh tế tư nhân.

Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp hiện nay không chỉ thiếu vốn hay thiếu thị trường, mà điều họ lo ngại nhất là sự thiếu ổn định và tính dự đoán của chính sách. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, loại bỏ những quy định chồng chéo, giảm chi phí tuân thủ và bảo đảm tính nhất quán giữa các luật liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, đấu thầu và kinh doanh.

Một ưu tiên rất quan trọng khác là nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là vốn, đất đai, công nghệ và nhân lực chất lượng cao. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn lớn trong tiếp cận tín dụng do thiếu tài sản bảo đảm hoặc chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện vay vốn. Vì vậy, cần phát triển mạnh hơn các quỹ bảo lãnh tín dụng, thị trường vốn, quỹ đầu tư mạo hiểm và các cơ chế hỗ trợ tài chính phù hợp với doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng hiện đại hơn. Điều này không chỉ dừng ở hỗ trợ thủ tục hành chính mà còn bao gồm hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, đào tạo quản trị, phát triển thương hiệu và kết nối thị trường quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, doanh nghiệp Việt Nam muốn phát triển bền vững thì phải nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ, PHƯỜNG: LẤY NGƯỜI DÂN LÀM TRUNG TÂM

Sau khi sáp nhập, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển đổi số đang bước vào giai đoạn quyết định để người dân “chấm điểm” tiến độ và nhận kết quả hoạt động của chính quyền cơ sở xã, phường thông qua hệ thống Một cửa điện tử. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Mô hình chuyển đổi số cấp xã, làm cơ sở để tổ chức thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

3 thông điệp cốt lõi của Mô hình chuyển đổi số cấp xã

Theo Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, PGS.TS Hoàng Hữu Hạnh, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cấp xã đã trở thành cấp chính quyền trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp trên phạm vi địa bàn rộng hơn, đồng thời đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để chuyển đổi số khẳng định hiệu quả và giá trị thực tiễn, ngay tại cấp chính quyền gần dân nhất. Chính vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Mô hình chuyển đổi số cấp xã, làm cơ sở để tổ chức thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

Theo đó, có 3 thông điệp cốt lõi đó là, Mô hình thống nhất - mô hình này được xây dựng dựa trên tổng thể khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Cấu trúc của mô hình chuyển đổi số cấp xã gồm bốn lớp - hạ tầng số và an ninh mạng, dữ liệu và nền tảng lõi, ứng dụng và nghiệp vụ, kênh tương tác và đo lường hiệu quả, cùng hai thành phần xuyên suốt là vận hành, quản trị và nguồn lực, nhân lực, được thiết kế thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở.

Thứ hai, trách nhiệm được phân định rõ theo 3 cấp; cụ thể, Trung ương cung cấp nền tảng, cơ sở dữ liệu, dịch vụ dùng chung quốc gia và ban hành tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật; cấp tỉnh cung cấp hạ tầng, nền tảng dùng chung cấp tỉnh, tổ chức vận hành tập trung, kết nối dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật cho cấp xã; cấp xã triển khai các cấu phần tại cơ sở, cập nhật dữ liệu đầy đủ, đúng thời hạn và trực tiếp cung cấp dịch vụ số cho người dân. Sự thành công của Mô hình phụ thuộc vào việc 3 cấp phối hợp chặt chẽ - không cấp nào làm thay, cũng không cấp nào đứng ngoài.

Thứ ba, mô hình lấy người dân làm trung tâm và bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau; theo đó, trong mô hình, dữ liệu phải được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống

nhất, dùng chung”; an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân là yêu cầu xuyên suốt. đồng thời, mô hình cho phép triển khai linh hoạt theo điều kiện từng địa bàn - miền núi, vùng sâu, biên giới, hải đảo, có thể điều chỉnh lộ trình, áp dụng giải pháp thay thế phù hợp. Với những người dân chưa có thiết bị hoặc còn thiếu kỹ năng số, vai trò của bộ phận Một cửa, của các điểm hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng và Tổ công nghệ số cộng đồng là yếu tố rất quan trọng.

Linh hoạt mô hình chuyển đổi số

Từ khung triển khai chung, nhiều địa phương đã lựa chọn những cách tiếp cận khác nhau; tại xã Yên Bình (Lào Cai), chuyển đổi số được triển khai từ thôn; theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Yên Bình Nguyễn Duy Khiêm, địa phương triển khai chuyển đổi số trên 6 trụ cột gồm điều hành số, giáo dục số, không gian số, nông nghiệp số, số hóa những lĩnh vực khó và xây dựng “xã số” từ “thôn số”. Sau một năm đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, Yên Bình đứng đầu trong số 99 xã, phường về chỉ số cải cách hành chính. “Muốn xã số thành công phải bắt đầu từ thôn số; thôn là nơi gần dân nhất, sát dân nhất và phản ánh rõ nhất mức độ thành công của chuyển đổi số, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đang tổ chức sáp nhập thôn, tổ dân phố từ đó quy mô dân số, diện tích các thôn, tổ dân phố sẽ mở rộng rất nhiều”, ông Nguyễn Duy Khiêm nhấn mạnh.

Nếu Yên Bình lựa chọn bắt đầu từ mô hình “thôn số”, thì tại Đặc khu Cô Tô (Quảng Ninh), chuyển đổi số lại được triển khai gắn với mục tiêu phát triển du lịch và dịch vụ. Theo Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Đặc khu Cô Tô Lê Ngọc Hân, địa phương đang từng bước xây dựng mô hình du lịch thông minh dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch và kết nối các cơ sở lưu trú, nhà hàng, điểm cung cấp dịch vụ trên địa bàn.

Một trong những giải pháp đáng chú ý là vận động các cơ sở lưu trú, đặc biệt là homestay, lắp đặt hệ thống camera AI. Không chỉ góp phần bảo đảm an ninh trật tự, hệ thống này còn mở ra khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo để nâng cao trải nghiệm cho du khách. Các doanh nghiệp công nghệ đang nghiên cứu phát triển tính năng để camera AI có thể hoạt động như một “lễ tân ảo”, tự động nhận diện và gửi lời chào khi khách đến lưu trú.

Từ mô hình “thôn số” ở vùng cao Lào Cai đến những ứng dụng AI trong phát triển du lịch tại Cô Tô và các địa phương đang cho thấy chuyển đổi số chỉ thực sự thành công khi người dân cảm nhận được lợi ích trong cuộc sống hàng ngày; đó cũng là thước đo rõ nhất về hiệu quả chuyển đổi số ở cấp cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

Nguồn: daibieunhanda.vn

CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, BÃI BỎ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH - CUỘC CÁCH MẠNG THỂ CHẾ TẤT YẾU ĐỂ KHƠI THÔNG MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG

Triển khai kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng hai con số giai đoạn tới, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã và đang phát lệnh một cuộc tiến công tổng lực vào “thành trì” của chủ nghĩa hình thức trong cải cách hành chính.

Cắt giảm thủ tục hành chính, bãi bỏ điều kiện kinh doanh không còn là câu chuyện của những đợt thi đua mang tính phong trào mà đã đặt ra yêu cầu như một cuộc cách mạng thực sự về thể chế - chìa khóa sống còn giải quyết sự tắc nghẽn trong quản trị quốc gia và mở đường cho nền kinh tế bứt phá vươn mình.

Nhận diện đúng “nút thắt” cốt lõi

Nhiều năm qua, cụm từ “cắt giảm thủ tục”, “đơn giản hóa điều kiện kinh doanh” liên tục xuất hiện trong các báo cáo, nghị quyết. Thế nhưng vì sao doanh nghiệp vẫn than khó, dòng chảy kinh tế vẫn có những đoạn nghẽn tắc?

Phải thẳng thắn nhìn nhận, cái khó và lực cản lớn nhất của công tác này không nằm ở kỹ thuật, công nghệ mà nằm ở tư duy quản lý cũ kỹ, tâm lý sợ mất quyền lực và sâu xa hơn là biểu hiện của lợi ích nhóm cục bộ. Nhiều bộ, ngành, địa phương khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vẫn giữ tư duy “thuận cho nhà quản lý, đẩy rủi ro cho người dân và doanh nghiệp”. Các rào cản được dựng lên dưới danh nghĩa “bảo đảm an toàn quản lý”, nhưng thực chất là tạo ra cơ chế xin - cho, là mảnh đất dung dưỡng cho nạn nhũng nhiễu, tiêu cực và chi phí không chính thức.

Vòng lặp tiêu cực cần phải xóa bỏ: Ban hành điều kiện kinh doanh rườm rà dẫn đến tạo cơ chế xin - cho; từ xin-cho sinh ra nhũng nhiễu, lợi ích nhóm; và điểm cuối cùng là doanh nghiệp bị ách tắc, trì trệ.

Thực tế chứng minh, không ít đợt rà soát trước đây đã rơi vào căn bệnh “phong trào”, nặng tính tuyên truyền thành tích. Thống kê từ Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chỉ ra rằng, dù hàng nghìn thủ tục được công bố cắt giảm trên giấy tờ nhưng trong thực tế, có những giai đoạn, ngay sau khi một “giấy phép mẹ” bị bãi bỏ, lập tức có vài “giấy phép con” núp bóng dưới hình thức thông tư hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngầm mọc lên để thay thế. Theo khảo sát pháp luật kinh doanh, vẫn còn nhiều doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức khi làm thủ tục cấp phép, nhiều doanh nghiệp buộc phải hủy bỏ hoặc trì hoãn kế hoạch kinh doanh vì vướng mắc thủ tục.

Chiến dịch “15 ngày đêm thần tốc” và những con số xoay chuyển cục diện

Trước thực trạng đó, thông điệp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thời gian qua là vô cùng dứt khoát và đanh thép: Cải cách phải thực chất, hiệu quả và không có đường lui. Quyết

tâm này không dừng lại ở những lời hô hào mà được cụ thể hóa bằng một chiến dịch mang tính bước ngoặt, thể hiện tinh thần thần tốc chưa từng có trong lịch sử lập pháp và điều hành.

Điểm nhấn tiêu biểu nhất là chiến dịch “15 ngày đêm thần tốc” xây dựng phương án và tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh. Với tinh thần quyết liệt đúng chất hành động của Chính phủ mới, Chính phủ đã ban hành đồng loạt các nghị quyết chuyên đề nhằm thực hiện mục tiêu mang tính cách mạng: Cắt giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính, 50% thời gian giải quyết, 50% chi phí tuân thủ và xóa bỏ 100% thủ tục không cần thiết.

Kết quả từ cuộc “tiến công tổng lực” này được minh chứng bằng những “con số biết nói” vô cùng ấn tượng. Về danh mục ngành nghề có điều kiện, Chính phủ đã đề xuất cắt giảm mạnh mẽ tới 60 ngành nghề kinh doanh trong tổng số 198 ngành nghề theo Luật Đầu tư, giúp giải phóng đáng kể rào cản gia nhập thị trường, mở rộng không gian tự do kinh doanh. Đi sâu vào các quy định cụ thể, chiến dịch đã cắt giảm 1.732 điều kiện kinh doanh không cần thiết, bãi bỏ 680 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 521 thủ tục hành chính, khơi thông trực tiếp các nút thắt pháp lý kìm hãm dòng vốn.

Đặc biệt, về thời gian giải quyết thủ tục, việc cắt giảm thêm 18.097 ngày đã nâng tổng số thời gian giải quyết được tiết kiệm lên tới 51.419 ngày, đạt tỷ lệ giảm 52,9%, vượt xa chỉ tiêu được giao và giảm tới đa chi phí cơ hội cho doanh nghiệp. Những nỗ lực này ước tính giúp giảm chi phí hành chính tuân thủ cho toàn xã hội hơn 23.000 tỷ đồng mỗi năm, trả lại nguồn lực tài chính khổng lồ trực tiếp cho nền kinh tế. Đồng thời, công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh toàn diện khi tổng số thủ tục hành chính do cấp Trung ương trực tiếp giải quyết được tinh gọn xuống chỉ còn 1.570 thủ tục, đưa dòng chảy hành chính về sát người dân và nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cấp chính quyền.

Minh bạch hóa quy trình, xóa bỏ nỗi lo cho doanh nghiệp

Để ngăn chặn triệt để tình trạng “bãi bỏ rồi lại mọc thêm”, một bước chuyển dịch căn bản mang tính bản lề đã được xác lập là chuyển đổi hoàn toàn từ tư duy tiền kiểm sang hậu kiểm. Tuy nhiên, chuyển sang hậu kiểm không có nghĩa là buông lỏng quản lý, càng không phải là việc đặt ra các “bẫy pháp lý” để “chờ doanh nghiệp sai phạm rồi vào thanh tra, xử phạt”, khiến dòng chảy đầu tư rơi vào trạng thái nơm nớp lo sợ một thứ quyền lực kiểm tra tùy tiện mới. Bản chất của một quy trình hậu kiểm văn minh, đúng nghĩa phải được xây dựng dựa trên 3 nguyên tắc cốt lõi:

Thứ nhất, minh bạch hóa tuyệt đối bộ tiêu chí tuân thủ. Khi bãi bỏ các thủ tục xin phép trước (tiền kiểm), cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm ban hành các bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng, dễ hiểu và dễ áp dụng. Luật chơi phải được phơi bày rạch ròi dưới ánh sáng. Doanh nghiệp chỉ cần đối chiếu vào đó, tự cam kết, tự chịu trách nhiệm và tự tin vận hành kinh doanh mà không phải đoán định hay phụ thuộc vào sự giải thích cảm tính của người thực thi công vụ.

Thứ hai, áp dụng triệt để nguyên lý quản lý rủi ro. Công tác hậu kiểm không được tiến hành theo phương thức tràn lan, cào bằng hay dựa trên sở thích của cơ quan quản lý. Phải

phân loại doanh nghiệp theo các mức độ rủi ro (xanh, vàng, đỏ) dựa trên lịch sử tuân thủ pháp luật. Các doanh nghiệp có lịch sử kinh doanh nghiêm túc, thượng tôn pháp luật phải được đưa vào luồng xanh - nghĩa là miễn hoặc giảm tối đa các đợt kiểm tra định kỳ. Hoạt động kiểm tra chỉ được kích hoạt dựa trên những dấu hiệu vi phạm rõ ràng hoặc hệ thống cảnh báo tự động.

Thứ ba, số hóa quy trình kiểm tra để triệt tiêu chi phí không chính thức. Việc hậu kiểm phải được giám sát thông qua hệ thống thông tin kiểm soát thủ tục hành chính và môi trường điện tử. Mọi kế hoạch kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và kết quả kiểm tra phải được công khai, liên thông giữa các bộ, ngành nhằm tránh tình trạng “một năm doanh nghiệp phải đón tiếp năm, bảy đoàn thanh tra” gây phiền hà, kiệt quệ sức lực của bộ máy sản xuất.

Chỉ khi quy trình hậu kiểm được thiết kế mạch lạc, khoa học như vậy, doanh nghiệp mới rũ bỏ được tâm lý lo sợ, tự tin giải phóng nguồn lực và các điều kiện kinh doanh rườm rà mới thực sự “không có cửa” để quay trở lại.

Cuộc cách mạng tất yếu của bộ máy hành chính thời kỳ mới

Để đưa nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số, rõ ràng chúng ta không thể vận hành bằng một bộ máy quản trị công kênh với tư duy bao cấp thủ tục. Đã đến lúc phải nhận thức đúng: Cắt giảm thủ tục hành chính và bãi bỏ điều kiện kinh doanh là một cuộc cách mạng thực sự, là xu thế tất yếu về thể chế trong thời kỳ vận hành mới.

Cuộc cách mạng này gắn liền với yêu cầu tinh gọn bộ máy hành chính gắn với phân cấp, phân quyền thực chất. Phải cắt giảm thủ tục hành chính ngay từ gốc bằng cách tinh giản các tầng nấc trung gian. Vận hành chính quyền một cách thông suốt, giao quyền đi đôi với giao trách nhiệm. Cải cách thủ tục chính là đôn bẩy để loại bỏ những vị trí việc làm “thừa thãi”, những nhân sự chỉ biết “ngâm” hồ sơ để chờ lợi ích. Song song với đó là chuyển đổi hoàn toàn sang quản trị số. Thủ tục hành chính nội bộ và thủ tục phục vụ người dân, doanh nghiệp phải được thực hiện 100% trên môi trường điện tử, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Khi mọi quy trình được minh bạch hóa, các hành vi nhũng nhiễu, “gợi ý” sẽ hoàn toàn mất đất diễn.

Nếu không coi đây là một cuộc cách mạng, nếu không dám xới xáo tận gốc rễ những quy định lỗi thời và xử lý nghiêm những tư tưởng cục bộ, chúng ta sẽ mãi luẩn quẩn trong vòng xoáy của sự “tắc nghẽn quản trị”.

Tăng trưởng kinh tế hai con số là mục tiêu vô cùng thách thức, nhưng hoàn toàn khả thi nếu toàn bộ hệ thống chính trị vào cuộc với tinh thần tiến công của một cuộc cách mạng. Khi thể chế được “cởi trói”, nguồn lực trong nhân dân và doanh nghiệp được giải phóng, đó sẽ là bệ phóng vững chắc nhất đưa “con tàu kinh tế” Việt Nam tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nguồn: qdnd.vn

FDI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM: BƯỚC CHUYỂN CHIẾN LƯỢC SANG CẠNH TRANH BẰNG LAO ĐỘNG CHẤT LƯỢNG CAO

Hơn một phần ba thế kỷ mở cửa kinh tế, Việt Nam đã khẳng định vị thế là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong khu vực. Tuy nhiên, khi bước vào giai đoạn phát triển mới, bài toán thu hút FDI hiện nay không còn nằm ở việc thiếu vốn, mà nằm ở một điểm nghẽn lớn hơn. Đó là sự thiếu hụt nguồn nhân lực đủ trình độ để hấp thụ, làm chủ và lan tỏa công nghệ...

Nhận thức rõ thách thức này, ngày 24/5/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1002/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045”. Đây định hướng quan trọng, mở đường cho bước chuyển mình mang tính lịch sử của thị trường lao động Việt Nam trong mối quan hệ với dòng vốn FDI.

Hệ sinh thái lao động FDI và những “khoảng trống” cốt lõi

Sau gần 40 năm thu hút FDI, Việt Nam đã xây dựng được một hệ sinh thái lao động phục vụ khối FDI tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, nếu bóc tách hệ sinh thái này, chúng ta sẽ thấy rõ những điểm nghẽn đang cản trở nền kinh tế tiến lên nấc thang giá trị cao hơn.

Cấp 1 - Lao động phổ thông và kỹ thuật cơ bản: Đây là tầng nhân lực phổ biến nhất với hàng triệu lao động đang tập trung chủ yếu trong các ngành như điện tử, dệt may, da giày, lắp ráp thiết bị điện tử... Các tập đoàn nước ngoài như Samsung Electronics, LG Electronics, Foxconn, Luxshare Precision Industry... là những doanh nghiệp FDI tiêu biểu đã tận dụng rất tốt nguồn nhân lực này. Tuy vậy, năng suất lao động ở phân khúc này còn thấp, người lao động chủ yếu thực hiện gia công ở công đoạn cuối, khiến giá trị gia tăng giữ lại trong nước không cao.

Cấp 2 - Kỹ thuật viên và nhân lực trung cấp: Đây là tầng nhân lực Việt Nam đang thiếu nhất. Nhiều doanh nghiệp FDI phản ánh khó khăn trong việc tuyển dụng các kỹ thuật viên tự động hóa, kỹ thuật cơ điện tử, kỹ thuật bán dẫn, kỹ thuật robot công nghiệp, quản lý sản xuất thông minh cho dù đây là nhóm nhân lực sẽ cùng với các nhóm cấp nêu sau tham gia quyết định khả năng chuyển từ “Made in Vietnam” sang “Việt Nam thiết kế và sản xuất”.

Cấp 3 - Kỹ sư và chuyên gia công nghệ cao: Tuy Việt Nam đã cải thiện đáng kể nguồn nhân lực chất lượng cao, nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về nguồn nhân lực công nghệ ở các lĩnh vực đón đầu tương lai như trí tuệ nhân tạo (AI), vi mạch bán dẫn, thiết kế chip, vật liệu mới hay năng lượng xanh... Hệ quả là các tập đoàn FDI lớn vẫn phải phụ thuộc vào việc tuyển chuyên gia nước ngoài cho các vị trí kỹ thuật then chốt.

Cấp 4 - Nhà quản trị cấp cao: Đây là điểm nghẽn đáng chú ý, khi rất ít nhân sự người Việt có thể đảm nhiệm vị trí điều hành doanh nghiệp FDI ở các mảng quản trị chiến lược,

R&D (Nghiên cứu & Phát triển), quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu hay tài chính quốc tế. Các vị trí đầu não này phần lớn vẫn do người nước ngoài nắm giữ.

Ba nghịch lý kìm hãm sự bứt phá của dòng vốn FDI

Sự phát triển lệch pha giữa dòng vốn đầu tư và chất lượng lao động nêu trên đã tạo ra 3 nghịch lý cần được xem xét, giải quyết.

Thứ nhất, FDI tăng nhanh hơn chất lượng nguồn nhân lực.

Nhiều địa phương trải thảm đỏ đón các siêu dự án công nghệ cao nhưng lại không chuẩn bị kịp nguồn kỹ sư, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề, dẫn đến tình trạng có dự án nhưng thiếu người vận hành hiệu quả.

Thứ hai, liên kết giữa doanh nghiệp FDI và hệ thống giáo dục của Việt Nam còn yếu.

Sau gần bốn thập kỷ, mối liên kết giữa các trường đại học và doanh nghiệp FDI vẫn lỏng lẻo. Nhà trường phần lớn vẫn đào tạo theo năng lực sẵn có, trong khi doanh nghiệp FDI lại tuyển dụng theo tiêu chuẩn khắt khe riêng của họ. Sinh viên ra trường chật vật tìm việc phù hợp, còn doanh nghiệp thì mỗi mất tìm người.

Thứ ba, chuyển giao công nghệ còn hạn chế.

Đây là vấn đề chiến lược bởi nếu lao động nội địa chỉ dừng lại ở mức độ lắp ráp, gia công, vận hành dây chuyền đơn giản, công nghệ của các tập đoàn đa quốc gia sẽ không lan tỏa sang cho Việt Nam. Khi đó, dòng vốn FDI chỉ mang ý nghĩa giải quyết việc làm trước mắt chứ không tạo năng lực công nghệ cho quốc gia.

Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế “2 con số” và đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và dịch vụ giá trị gia tăng của khu vực trong giai đoạn 2026 - 2045 trong khi vẫn tiếp tục sử dụng nguồn vốn FDI như một nguồn lực quan trọng trong đầu tư thì Việt Nam cần có một chiến lược FDI không thể tách rời chiến lược nguồn nhân lực.

Chiến lược xây dựng hệ sinh thái nhân lực hiện đại giai đoạn 2026 - 2045

Để đưa Việt Nam trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045, chúng ta cần tái cấu trúc thị trường lao động theo mô hình liên kết bốn bên (Nhà nước, doanh nghiệp FDI, trường đại học/cơ sở nghề nghiệp và người lao động) chặt chẽ. Để hiện thực hóa mô hình này, 5 nhóm giải pháp đột phá sau đây cần được triển khai đồng bộ:

Một là, cải cách giáo dục đại học theo hướng thực lực.

Cần xóa bỏ tư duy đào tạo theo lý thuyết thuần túy, chuyển hẳn sang đào tạo theo chuẩn năng lực toàn cầu. Một kỹ sư công nghệ cao thế hệ mới bắt buộc phải là một “nhân sự toàn cầu” sở hữu chuyên môn kỹ thuật sâu - Thành thạo ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) - Kỹ năng mềm (quản trị dự án, tư duy số, làm việc đa văn hóa). Đồng thời, tăng quyền tự chủ cho các trường đại học để họ chủ động liên kết, đồng cấp bằng quốc tế với các viện nghiên cứu nước ngoài và khuyến khích liên kết với doanh nghiệp FDI.

Hai là, đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Tham khảo kinh nghiệm thành công từ Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc hay Singapore, Việt Nam cần áp dụng triệt để mô hình đào tạo kép: 50% thời gian sinh viên học lý thuyết tại trường, 50% thời gian trực tiếp thực hành tại doanh nghiệp. Đồng thời, thành lập một số cơ sở đào tạo như “Cao đẳng công nghiệp chiến lược” tại các trung tâm FDI lớn tại Bắc Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Ba là, dồn lực cho Chương trình quốc gia về đào tạo nhân lực công nghệ cao.

Theo đó, tập trung nguồn lực chương trình vào các ngành công nghiệp định hình tương lai. Cụ thể: *Ngành bán dẫn*: Đào tạo từ kỹ sư thiết kế chip, kỹ thuật viên vận hành sản xuất wafer, chuyên gia đóng gói, kiểm thử; *Trí tuệ nhân tạo (AI)*: Xây dựng đội ngũ kỹ sư dữ liệu, nhà khoa học AI và quản trị sản phẩm AI; *Kỹ thuật tương lai*: Phát triển nhân lực cho ngành robot, tự động hóa, công nghệ sinh học và công nghệ xanh (Hydrogen, pin thế hệ mới, năng lượng tái tạo).

Bốn là, thực hiện liên kết FDI - Đại học và Viện nghiên cứu.

Chính phủ cần ban hành các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn FDI) cũng như các trường đại học, các trường dạy nghề cùng tham gia đào tạo theo đúng nhu cầu của của doanh nghiệp và quản lý nhà nước

Đối với các tập đoàn lớn của nước ngoài, nhất là các dự án FDI có quy mô lớn khi đầu tư vào Việt Nam, khuyến khích có cam kết có phối hợp trong đào tạo (được phép mở trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ), khuyến khích sử dụng quỹ học bổng, chương trình thực tập,.. đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam làm việc cho dự án của họ cả trong và ngoài nước.

Năm là, thu hút nhân tài toàn cầu.

Cải cách triệt để thủ tục hành chính, nới lỏng chính sách cấp thị thực (Visa) dài hạn, giấy phép lao động và áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân ưu đãi cho các chuyên gia trình độ cao. Cần thu hút cộng đồng người Việt ở nước ngoài, đồng thời thu hút các chuyên gia hàng đầu từ Mỹ, Nhật, Hàn, Châu Âu và Úc đến Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu và dẫn dắt các dự án khởi nghiệp công nghệ.

Lộ trình và mục tiêu cuối cùng

Mục tiêu tối thượng của việc thực hiện 5 giải pháp đột phá này là nâng tỷ lệ người Việt Nam nắm giữ các vị trí quan trọng như: Giám đốc nhà máy, Giám đốc kỹ thuật, Giám đốc R&D trong các doanh nghiệp FDI. Để hướng tới mục tiêu này, lộ trình phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao của Việt Nam đã được định hình rõ ràng theo hai giai đoạn quan trọng.

Giai đoạn 2031 - 2035: Việt Nam bước đầu hình thành đội ngũ lao động công nghệ cao cùng chuyên gia trình độ quốc tế.

Giai đoạn 2036 - 2045: Việt Nam vươn lên trở thành trung tâm đào tạo và cung ứng nhân lực công nghệ cao hàng đầu của khu vực ASEAN, và là nguồn cung nhân lực cho chuỗi giá trị toàn cầu.

Nguồn: vneconomy.vn

QUY ĐỊNH VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

Thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã ký ban hành Quy định số 193-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật.

Theo Quy định, Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) do Bộ Chính trị thành lập, có chức năng tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định chủ trương, đường lối, định hướng lớn về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật; lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ quan trọng, có tính chiến lược về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật, trọng tâm là lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Về nhiệm vụ, Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định chủ trương, định hướng lớn, có tính chất chiến lược về cơ chế, chính sách, giải pháp hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật. Đồng thời, chỉ đạo giải quyết những vấn đề chiến lược, những vấn đề liên ngành, những điểm nghẽn lớn cần sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật.

Ban Chỉ đạo cũng thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quy định của Đảng về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật. Chỉ đạo các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các tổ chức đảng, đảng viên có hành vi trì hoãn, cản trở hoặc không thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật.

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin, tuyên truyền về chủ trương, định hướng, giải pháp hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật. Chỉ đạo xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng việc tuyên truyền về công tác hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật làm phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc. Tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả công tác hoàn thiện thể chế, thực thi pháp luật và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Về nguyên tắc làm việc, Quy định nêu: Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, Trưởng Ban kết luận và chỉ đạo thực hiện. Ban Chỉ đạo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không làm thay chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Ban Chỉ đạo làm việc theo chương trình công tác hằng năm, họp định kỳ 6 tháng một lần, họp đột xuất khi cần. Thường trực Ban Chỉ đạo họp định kỳ 3 tháng một lần, họp đột xuất khi cần. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Ban Chỉ đạo xin ý kiến Ban Chỉ đạo bằng văn bản.

Ban Chỉ đạo thảo luận, quyết định các nội dung công tác trọng tâm, chương trình công tác và kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật. Kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan để thực hiện.

Khi cần thiết, Ban Chỉ đạo tổ chức hội nghị toàn quốc hoặc hội nghị chuyên đề về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật với các ban đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Trưởng Ban quyết định triệu tập các phiên họp, cuộc họp đột xuất của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo. Trong thời gian Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo không họp, nếu có vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cần phải giải quyết khẩn trương, kịp thời, Cơ quan Thường trực có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban xem xét, quyết định; đồng thời, thông báo kết quả tới các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký (3/6/2026). Quy định này thay thế Quy định số 297-QĐ/TW, ngày 04/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật và Quy định số 209-QĐ/TW, ngày 27/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương.

Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật, các ban đảng, tổ chức đảng ở Trung ương, tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung, Ban Chỉ đạo báo cáo Bộ Chính trị quyết định.

Nguồn: baochinhpheu.vn

BỘ CHÍNH TRỊ ĐỊNH HƯỚNG GIAO BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2027- 2031

Bộ Chính trị vừa ban hành Kết luận số 40-KL/TW về bổ sung, sửa đổi Quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; giao biên chế của hệ thống chính trị năm 2026 và định hướng giai đoạn 2027 – 2031.

Tiếp tục tinh giản biên chế của hệ thống chính trị khoảng từ 5 đến 10%

Theo đó, về định hướng giao biên chế giai đoạn 2027 - 2031, Bộ Chính trị xác định tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế của hệ thống chính trị (khoảng từ 5 đến 10%) trên cơ sở kế hoạch, lộ trình, cam kết trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trong việc thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, áp dụng khoa học, công nghệ, chuyển

đổi số, ứng dụng phương pháp quản trị, quản lý mới, cải cách thủ tục hành chính, tinh giản quy trình công việc, giảm khâu trung gian trong tác nghiệp, sắp xếp tinh gọn tổ chức bên trong, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, giảm số lượng lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở xây dựng lộ trình giảm biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng và chuẩn hoá cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ xã, phường, đặc khu và nâng cao năng suất lao động, giảm giờ làm, cải cách chính sách tiền lương khu vực công.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới định mức biên chế; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và liên thông từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung”; trong đó có cơ sở dữ liệu quốc gia về biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý biên chế cho các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương. Thực hiện rà soát định kỳ hằng năm để kịp thời cập nhật, điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế; thu hồi, điều chuyển biên chế đồng bộ với lộ trình thực hiện phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, cải cách hành chính và chuyển biên chế từ nơi sử dụng kém hiệu quả sang nơi thiếu hụt, quá tải.

Áp dụng phương pháp quản trị theo dữ liệu, lượng hoá công việc để xác định nhu cầu biên chế thực tế. Chuyển từ quản lý số lượng biên chế sang quản lý chất lượng và hiệu quả thực thi công vụ; định kỳ đánh giá cán bộ bằng các chỉ số được lượng hoá, đưa ra khỏi hệ thống những người không đủ năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ để thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức đủ trình độ, năng lực vào bộ máy.

Không để tình trạng vào biên chế là ổn định suốt đời

Về tổ chức thực hiện, Bộ Chính trị giao ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; tập thể lãnh đạo ban, cơ quan, đơn vị ở Trung ương, ban thường vụ các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế; ban thường vụ đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ lãnh đạo, chỉ đạo việc giao, quản lý biên chế năm 2026 theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, có kế hoạch bố trí, sắp xếp chuyển ngạch để bảo đảm đủ số lượng công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, không để tình trạng viên chức thực hiện vị trí việc làm của công chức, chủ động rà soát, điều chỉnh cơ cấu, số lượng phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, nhất là các cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu vị trí chuyên môn cần phải bổ sung kịp thời.

Đối với những nơi có số lượng công chức, viên chức lớn hơn số biên chế được giao năm 2026 phải khẩn trương xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình phù hợp, khả thi nhằm từng bước sắp xếp, điều chỉnh để đến hết năm 2026 phải đưa về đúng số biên chế được Bộ Chính trị giao.

Đối với các thành phố lớn, đô thị đặc biệt (như thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) được Bộ Chính trị quyết định cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng biên chế thì thực hiện theo chủ trương, kết luận của Bộ Chính trị.

Các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng biên chế Bộ Chính trị giao theo đúng vị trí việc làm công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Giao Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo việc thể chế hoá, cụ thể hoá, tổ chức thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp, định hướng xác định, giao biên chế giai đoạn 2027 - 2031; lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương xây dựng định mức biên chế, số lượng người làm việc, cơ cấu công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực trên cơ sở lượng hoá kết quả chuyển đổi số, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, phân loại đơn vị hành chính; dân số, diện tích, GRDP; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, phân loại cơ quan, đơn vị; khối lượng công việc; đặc thù ngành, lĩnh vực, địa phương... để làm cơ sở đề xuất, xác định, giao biên chế giai đoạn 2027 - 2031 (hoàn thành trước ngày 15/9/2026).

Giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu một cách toàn diện và đề xuất đổi mới công tác quản lý và giao biên chế của hệ thống chính trị nhằm bảo đảm hiệu quả thực chất, đồng bộ với chủ trương, chính sách của Đảng về đề án vị trí việc làm và đề án tiền lương.

Trong đó quán triệt một số yêu cầu. Đó là: Đổi mới căn bản tư duy, nhận thức, phương pháp xác định biên chế của hệ thống chính trị; chuyển từ tư duy cố định, dài hạn sang theo chu kỳ 3 năm để điều chỉnh phù hợp; xác định biên chế bảo đảm khoa học, khách quan, theo định mức, tiêu chí, tiêu chuẩn rõ ràng, phù hợp thực tiễn; giải quyết cơ bản các hạn chế, bất cập từ nhiều nhiệm kỳ.

Giao biên chế phải gắn chặt với đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và kết quả đầu ra cụ thể; những công việc có thể số hoá, tự động hoá, xã hội hoá thì kiên quyết giảm biên chế hành chính giản đơn để tăng cường cho các lĩnh vực then chốt, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ chiến lược, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số và các địa phương trọng điểm, cực phát triển gắn với thực hiện các chỉ tiêu phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, bảo đảm tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị 3 cấp tinh gọn, hoạt động thông suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia, quản trị địa phương, phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, yêu cầu phát triển và tăng trưởng “2 con số” của đất nước trong giai đoạn mới.

Công tác quản lý biên chế phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Phải chuyển mạnh tư duy “quản lý biên chế” sang “quản lý nguồn nhân lực quốc gia phục vụ phát triển đất nước” với mục tiêu quản lý và sử dụng hiệu quả từng biên chế được giao. Xác định tổng biên chế của hệ thống chính trị có cơ cấu hợp lý; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng cao, được quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

Không để tình trạng nơi thiếu người làm việc thì không được bổ sung, trong khi nơi hiệu quả thấp vẫn giữ biên chế ổn định. Phải có cơ chế mạnh hơn để sàng lọc, thay thế người không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện đúng nguyên tắc “có vào - có ra” đối với

biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, không để tình trạng vào biên chế là ổn định suốt đời.

Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng “xin biên chế”, “giữ ghế”, “giữ cơ cấu” vì lợi ích cục bộ. Từng bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương rà soát kỹ lưỡng, thực hiện sắp xếp tổ chức bên trong, bảo đảm lược bỏ các khâu trung gian, bộ phận hoạt động hình thức, năng suất thấp.

Đẩy mạnh chuyển giao các nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Nghiên cứu tạo bước đột phá trong việc tinh giản biên chế sự nghiệp gắn với đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường xã hội hoá những công việc, dịch vụ mà khu vực tư nhân có thể thực hiện tốt, nhất là lĩnh vực giáo dục, y tế.

Cân đối, phù hợp với kế hoạch ngân sách trung hạn; tăng cường tiết kiệm chi thường xuyên, giảm tỉ trọng chi hoạt động của bộ máy trong tổng chi ngân sách nhà nước, tăng thu nhập, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức.

Giao Ban Tổ chức Trung ương tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị và chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu kỹ lưỡng, đổi mới toàn diện để xây dựng phương án giao biên chế giai đoạn 2027 - 2031 thật sự khoa học với những định mức, tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đến từng vị trí việc làm; gắn với hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng biên chế một cách hiệu quả, thực chất, báo cáo Bộ Chính trị vào cuối quý IV/2026.

Nguồn: baohinhphu.vn

XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ SỐ NĂNG ĐỘNG DỰA TRÊN NỀN TẢNG SỐ, DỮ LIỆU VÀ AI

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1033/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 (Chương trình).

Mục tiêu xây dựng nền kinh tế số năng động dựa trên nền tảng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; từng bước hình thành phương thức sản xuất mới, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, phát triển xanh và bền vững.

Đồng thời, kiến tạo xã hội số văn minh, an toàn và bao trùm, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng các thành quả của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân.

Hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số

Về kinh tế số, Chương trình phân đầu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt khoảng 30%; hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến; phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 5 sản phẩm.

Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP. Tỷ trọng quy mô đào tạo giáo dục đại học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 40%.

Về xã hội số, phần đầu tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đạt 100%.

Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 99% dân số; 100% công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%; tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cơ bản cho tối thiểu 10.000.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

Phát triển hạ tầng số nhanh, đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững

Để đạt được những mục tiêu trên, Chương trình đưa ra 15 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện:

1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trọng tâm là hoàn thiện thể chế về dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy thị trường số cạnh tranh lành mạnh; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường điều phối liên ngành và hiệu quả thực thi.

Xây dựng, cập nhật và công bố hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số.

2. Phát triển hạ tầng số nhanh, đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm kết nối số toàn dân và tạo nền tảng cho kinh tế số, xã hội số.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư các hạ tầng số chiến lược và hạ tầng số công cộng thiết yếu; doanh nghiệp phát triển các hạ tầng số khác theo cơ chế thị trường.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng, 5G và thế hệ mạng di động tiếp theo, Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

Phát triển hạ tầng tính toán và lưu trữ dữ liệu gồm trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo theo mô hình dịch vụ.

Phát triển hạ tầng số tin cậy, bảo đảm an ninh mạng; tối ưu hóa, thông minh hóa hạ tầng truyền thông; thúc đẩy phát triển hạ tầng số xanh, tiết kiệm năng lượng.

Tăng cường kết nối, liên thông và công nhận lẫn nhau hạ tầng số công cộng trong nước và quốc tế.

Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh

3. Phát triển nền tảng số dùng chung, nền tảng số quốc gia và hệ sinh thái số do Việt Nam làm chủ, ưu tiên giải quyết các bài toán kinh tế, xã hội và môi trường mang tính liên ngành, liên vùng.

Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh; hình thành hệ thống dữ liệu thời gian thực, tăng cường chia sẻ và tích hợp dịch vụ.

Khuyến khích doanh nghiệp phát triển nền tảng số theo mô hình dịch vụ, mở API, kết nối liên thông, hình thành hệ sinh thái số theo từng ngành, lĩnh vực.

4. Phát triển kinh tế dữ liệu trở thành nguồn lực mới và động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số.

Tập trung xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng mô hình quản trị dữ liệu, trong đó thúc đẩy chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, tạo điều kiện cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu mở, dữ liệu được chia sẻ và dữ liệu đã được xử lý, ẩn danh theo quy định của pháp luật để phát triển sản phẩm, dịch vụ số; phát triển dữ liệu mở và hình thành thị trường dữ liệu bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu, từ điển dữ liệu.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài sản dữ liệu, quyền sở hữu, khai thác và phân phối giá trị dữ liệu; thí điểm sản giao dịch dữ liệu và cơ chế lưu chuyển dữ liệu, bao gồm luồng dữ liệu xuyên biên giới phù hợp với quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Phát triển hạ tầng dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và các nền tảng khai thác, phân tích dữ liệu; tổ chức nghiên cứu, xây dựng phương pháp đo lường kinh tế dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách và thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

Xây dựng các tình huống khai thác, sử dụng, tái sử dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế - xã hội trên môi trường số.

Thúc đẩy ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất

5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa vận hành và đổi mới phương thức ra quyết định trên dữ liệu, bảo đảm các nguyên tắc về đạo đức trí tuệ nhân tạo, an toàn và bảo vệ quyền riêng tư.

Mỗi bộ, ngành, lĩnh vực xác định và triển khai các bài toán trọng điểm có thể giải quyết hiệu quả bằng AI để thí điểm, đánh giá và nhân rộng các mô hình thành công.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh, góp phần hình thành hệ sinh thái ứng dụng AI rộng khắp trong nền kinh tế và xã hội.

6. Bảo đảm an ninh mạng để xây dựng niềm tin số trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

Hoàn thiện thể chế về an ninh mạng theo nguyên tắc an toàn từ khâu thiết kế, phát triển và vận hành hạ tầng số, nền tảng số; triển khai mô hình bảo vệ nhiều lớp, tăng cường giám sát và ứng cứu sự cố.

Phổ cập các công cụ, nền tảng bảo vệ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số; xây dựng hệ sinh thái tín nhiệm mạng và phát triển thị trường bảo hiểm an ninh mạng.

Đồng thời nâng cao năng lực quốc gia về an ninh mạng thông qua việc xây dựng các trung tâm an ninh mạng theo chuẩn quốc tế; ban hành các tiêu chuẩn an toàn cho các công

nghe mới như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, điện toán đám mây, dữ liệu lớn và các công nghệ tiên tiến khác.

Phát triển nguồn nhân lực số toàn diện

7. Phát triển nguồn nhân lực số toàn diện, bao gồm nhân lực công nghệ số, chuyên gia công nghệ số và lực lượng lao động có năng lực số; phổ cập năng lực số toàn xã hội.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược; thúc đẩy học tập suốt đời và chuyển đổi kỹ năng cho người lao động phù hợp với xu thế công nghệ và nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy các mô hình đào tạo gắn với thực tiễn và doanh nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.

Phát triển thị trường lao động và cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước, lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh mạng phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, vùng, miền.

Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu nhân lực và xu thế nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; kết nối lao động và việc làm thông qua các nền tảng số ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo.

8. Phát triển công dân số và văn hóa số làm nền tảng xã hội số an toàn, lành mạnh và bao trùm.

Hình thành công dân số với định danh điện tử, năng lực số an toàn, có trách nhiệm; tăng cường hợp tác quốc tế, thúc đẩy các sáng kiến khu vực về công dân số và công nhận lẫn nhau về năng lực số, tiêu chuẩn nghề nghiệp.

Phát triển các nền tảng số và mạng xã hội an toàn, lành mạnh mang bản sắc Việt Nam. Tổ chức đánh giá toàn diện tác động của công nghệ đối với đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa để chủ động kiểm soát, giảm thiểu các tác động tiêu cực do công nghệ mang lại.

Mở rộng các tiện ích trên nền tảng VNeID phục vụ người dân, doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu khác, từng bước nghiên cứu khả năng liên thông, công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia trong khu vực.

Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt

9. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt, làm chủ công nghệ số chiến lược, phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm “Make in Vietnam” và vươn ra thị trường quốc tế.

Phát huy vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp công nghệ lớn, doanh nghiệp nhà nước thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số chủ động áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng và tăng cường phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Phát triển quản trị số quốc gia dựa trên dữ liệu, minh bạch, hiệu quả; đẩy mạnh số hóa, tự động hóa quản lý và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Thúc đẩy ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực; hoàn thiện cơ chế quản trị nền tảng số và thử nghiệm chính sách; tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá.

11. Thúc đẩy phát triển các thị trường hiện đại phục vụ kinh tế số, trong đó tập trung vào thị trường đổi mới sáng tạo và công nghệ, thị trường dữ liệu, thị trường tín chỉ carbon, sàn giao dịch tài sản và hệ thống các tổ chức định giá độc lập, trung tâm phân tích và cảnh báo rủi ro chuỗi cung ứng; bảo đảm vận hành minh bạch, an toàn, hiệu quả, công bằng.

12. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp; tài nguyên và môi trường; du lịch; văn hóa, thể thao; thương mại; Logistics; công nghiệp chế biến, chế tạo; năng lượng; giáo dục và đào tạo; lao động và việc làm; an sinh xã hội;...

13. Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo và các chủ thể kinh tế trong đầu tư, xây dựng, khai thác hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu và dịch vụ số; phát triển nguồn nhân lực số; triển khai thử nghiệm có kiểm soát với công nghệ, dịch vụ mới; tăng cường chia sẻ, nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Thu hút công nghệ, tri thức và nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ; chủ động tham gia các sáng kiến, thỏa thuận quốc tế về kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường quốc tế cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

14. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số, xã hội số thông qua các diễn đàn, hội nghị, triển lãm trong nước và quốc tế; lan tỏa hình ảnh Việt Nam chủ động trong kỷ nguyên số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và du lịch.

Phát triển các kênh truyền thông, hỗ trợ tư vấn, hỏi đáp và trợ lý ảo nhằm giúp người dân, doanh nghiệp hiểu, tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi hiệu quả từ công nghệ số.

15. Chủ động nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, cập nhật các xu hướng công nghệ mới và mô hình phát triển tiên tiến để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế số và xã hội số; bảo đảm Chương trình có tính mở, linh hoạt và thích ứng cao trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu.

Nguồn: vietnamplus.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc vừa ký Quyết định số 30/2026/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

Quyết định gồm 4 chương, 18 điều quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục xin phép tổ chức, xin chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức và quản lý các hội nghị, hội thảo này.

15 hoạt động không thuộc phạm vi điều chỉnh

Các hoạt động sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này, thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước:

- a) Hội nghị quốc tế cấp người đứng đầu Đảng, Nhà nước;
- b) Hội nghị, hội thảo quốc tế do Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân; Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Kiểm toán nhà nước; Hội đồng nhân dân; các ban, cơ quan Đảng Trung ương; các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; các đơn vị, tổ chức trực thuộc các cơ quan tại điểm này chủ trì tổ chức;
- c) Hội nghị, hội thảo quốc tế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- d) Hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung bí mật nhà nước;
- đ) Hội nghị, hội thảo quốc tế của các tổ chức tôn giáo;
- e) Đại hội có yếu tố nước ngoài của các hội thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;
- g) Hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài về bán hàng đa cấp;
- h) Hội nghị tổng kết, hội nghị triển khai công tác, hội nghị với khách hàng, cổ đông, nhà cung cấp có yếu tố nước ngoài của doanh nghiệp, hội nghị của các doanh nghiệp thuộc cùng một tập đoàn đa quốc gia nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và không có chủ đề, nội dung kiến nghị, sửa đổi chính sách, pháp luật của Việt Nam;
- i) Đón, tiếp khách nước ngoài;
- k) Họp báo quốc tế;
- l) Lễ tưởng niệm, lễ kỷ niệm, lễ khai mạc, lễ bế mạc, lễ trao khen thưởng, lễ công bố sự kiện, lễ ký kết thỏa thuận hợp tác, hợp đồng kinh doanh, tiệc chiêu đãi, sự kiện giao lưu văn hóa, lễ hội có yếu tố nước ngoài;
- m) Lễ khai giảng, lễ bế giảng, lễ trao bằng, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ có yếu tố nước ngoài;
- n) Lớp học, khóa học, cuộc thi, buổi nói chuyện, thảo luận chuyên đề có yếu tố nước ngoài trong chương trình đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật có liên quan;
- o) Hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, hội chợ, triển lãm có yếu tố nước ngoài;
- p) Việc cho phép cá nhân chủ trì hoặc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

Nguyên tắc trong tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế

Quyết định quy định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Không tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có một trong các mục đích hoặc nội dung sau: tuyên truyền chống phá, xuyên tạc lịch sử, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm an ninh quốc gia; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; gây phương hại đến quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với các đối tác; kích động chiến tranh, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo, lãnh tụ; phân biệt chủng tộc; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; kích động bạo lực và các hành vi gây hại cho xã hội.

Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thẩm quyền cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế

Điều 5 của Quyết định quy định thẩm quyền cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế như sau:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế của các cơ quan, tổ chức sau đây; hoặc phân cấp các thẩm quyền này cho tổ chức, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ và các đơn vị, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Các cơ quan, tổ chức Việt Nam do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập và giao cho bộ, cơ quan ngang bộ quản lý, trừ các trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c) Các tổ chức Việt Nam do cấp có thẩm quyền thuộc bộ, cơ quan ngang bộ cho phép thành lập, trừ các tổ chức quy định tại điểm d khoản này;

d) Các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, có lĩnh vực hoạt động chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của bộ, cơ quan ngang bộ theo quyết định của Bộ Nội vụ, bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại địa phương và các tổ chức khoa học và công nghệ do các tổ chức này thành lập;

đ) Các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam do cấp có thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ cấp giấy phép, giấy đăng ký hoạt động hoặc được Chính phủ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hoặc phân cấp các thẩm quyền này cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế của Ủy ban nhân dân cấp xã; hoặc phân cấp các thẩm quyền này cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai các hội nghị, hội thảo quốc tế quy định tại khoản 4 Điều này của các tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan chuyên môn phụ trách công tác đối ngoại thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (riêng đối với Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân thành phố phân công) có thẩm quyền cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế của các tổ chức sau:

a) Các tổ chức Việt Nam do cấp có thẩm quyền của địa phương cho phép thành lập hoặc cấp giấy đăng ký hoạt động;

b) Các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoạt động trong phạm vi địa phương;

c) Chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài do cấp có thẩm quyền của địa phương cho phép thành lập.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thực hiện phân cấp thẩm quyền cho phép tổ chức, cho chủ trương đăng cai các hội nghị, hội thảo quốc tế sau:

a) Hội nghị, hội thảo quốc tế có thành phần tham dự từ cấp Bộ trưởng trở lên của Việt Nam và nước ngoài;

b) Hội nghị, hội thảo quốc tế có chủ đề, nội dung liên quan đến ít nhất một trong các vấn đề biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, quyền con người;

c) Hội nghị, hội thảo quốc tế có chủ đề, nội dung trực tiếp kiến nghị sửa đổi chính sách, pháp luật của Việt Nam;

d) Hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức theo hình thức trực tiếp tại các xã, phường, đặc khu trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, dân quân tự vệ.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24/7/2026 và thay thế Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

Nguồn: baohinhphu.vn

THẨM QUYỀN, PHẠM VI KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Chính phủ ban hành Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong đó, đáng chú ý là các quy định về thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Nghị định này quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu); tổ chức cập nhật, xử lý, khai thác, sử dụng dữ liệu liên quan đến tiếp công dân, xử lý

đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên môi trường số; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Vị trí, vai trò và giá trị pháp lý của Cơ sở dữ liệu

Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu được xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, nhằm thu thập, lưu trữ, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu được cập nhật, quản lý theo thời gian thực; có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu và pháp luật có liên quan; được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ, tài liệu bản giấy trong trường hợp đáp ứng điều kiện về tính toàn vẹn, xác thực, khả năng truy cập, sử dụng và pháp luật không có quy định khác.

Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu được số hóa, chuẩn hóa, bao gồm dữ liệu có cấu trúc và dữ liệu phi cấu trúc, được tổ chức và quản lý theo cấu trúc phù hợp, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông và khai thác giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định của pháp luật; xác định và phân loại theo cấp độ an toàn dữ liệu trong quá trình lưu trữ, chia sẻ và khai thác, bảo đảm kiểm soát, theo dõi hoạt động truy cập và kịp thời phát hiện, xử lý sự cố, bảo đảm an ninh mạng, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố làm lộ, mất hoặc bị truy cập trái phép dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu được đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Nghị định quy định việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Dữ liệu được rà soát, cập nhật, quản lý bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác, thống nhất, đồng bộ và đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu chặt chẽ, an toàn, ổn định, thông suốt; việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện theo phân quyền, đúng mục đích, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm lấy người dân làm trung tâm, tạo điều kiện để người dân theo dõi, giám sát quá trình xử lý vụ việc của mình trên môi trường số.

Việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, có khả năng truy xuất nguồn gốc, lịch sử cập nhật và chủ thể thực hiện, có thể kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Bảo đảm tự động hóa, số hóa toàn trình quản lý, xử lý dữ liệu, hạn chế tối đa việc xử lý thủ công.

Thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu

Nghị định quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu để thực hiện các hoạt động liên quan đến nhập, chuyển, xử lý đơn; giải quyết, theo dõi, nhận kết quả; khai thác và sử dụng dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quyền hạn được giao.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thành viên Chính phủ, các Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

b) Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban Đảng Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

c) Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy và các Ban thuộc tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, Văn phòng và các ban thuộc Đảng ủy cấp xã, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Nghị định nêu rõ: Việc khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước trong Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Việc khai thác dữ liệu được thực hiện chủ yếu thông qua phương thức điện tử trên cơ sở phân quyền truy cập; hạn chế việc cung cấp dữ liệu bằng văn bản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Công dân có quyền được cung cấp thông tin cá nhân của mình do cơ quan nhà nước thu thập, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu theo quy định; có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi phát hiện thông tin không chính xác theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ XÂY DỰNG PHÂN CẤP THẨM QUYỀN LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 27/2026/TT-BXD quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Thông tư này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị

Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật và quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quyết định:

Giao tài sản bằng hiện vật cho các cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc, trừ các loại tài sản bao gồm: tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, đất để xây dựng trụ sở làm việc.

Đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

Phân cấp thẩm quyền khai thác và xử lý tài sản công

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quyết định:

Khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Xây dựng mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, đơn vị mình hoặc các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc cơ quan, đơn vị mình là chủ thể tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản.

Thu hồi, điều chuyển tài sản công và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ các loại tài sản bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Bán, thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 20 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại dưới 1 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản (trường hợp không xác định được nguyên giá tài sản), trừ các loại tài sản bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 20 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản, trừ các loại tài sản bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, có nguyên giá dưới 20 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản, trừ các loại tài sản bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Thẩm quyền trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung; quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quyết định:

Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao. (1)

Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Việc trang bị máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm các nội dung quy định tại (1) nêu trên.

Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quyết định:

Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do cơ quan, đơn vị mình trực tiếp quản lý (không bao gồm hình thức giao, điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý), trừ các loại tài sản bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2026.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị

Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị (Quyết định số 182-QĐ/TW, ngày 02/6/2026).

Theo Quyết định trên, Ban Chỉ đạo thực hiện quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị (gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế) được kiện toàn gồm 13 đồng chí.

Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng Ban.

Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương là Phó Trưởng Ban Thường trực.

Đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Phó Trưởng Ban.

Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm các đồng chí: Bí thư Trung ương Đảng, Chánh án Toà án nhân dân tối cao; Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội; Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính; Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Kiểm toán Nhà nước; Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Nội vụ; Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương (phụ trách công tác quản lý biên chế).

Quyết định nêu: Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất Bộ Chính trị các chủ trương và thực hiện quản lý biên chế thống nhất trong hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031; chỉ đạo việc triển khai và kiểm tra, giám sát thực hiện các chủ trương, quyết định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

Ban Tổ chức Trung ương là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế.

Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế thành lập Tổ giúp việc để thực hiện nhiệm vụ. Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế được sử dụng con dấu của Ban Tổ chức Trung ương để phục vụ công tác.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1021/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 về việc kiện toàn Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững (Hội đồng).

Theo Quyết định, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng làm Chủ tịch Hội đồng.

Phó Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các Ủy viên Hội đồng gồm:

+ Đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ: Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ

Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế; Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Thanh tra Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Đại diện lãnh đạo các cơ quan thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

+ Đại diện Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng doanh nghiệp: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

- Quyết định số 1035/QĐ-TTg bổ sung Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Huy Dũng làm Tổ phó Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

* Tỉnh Quảng Ninh

Điều động, phân công và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hạnh, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ chức vụ Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh.

* Thái Nguyên

Ông Trần Văn Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2026 - 2031.

* Tỉnh Khánh Hòa

- Điều động, bổ nhiệm ông Tạ Hồng Quang, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân phường Nha Trang giữ chức vụ Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy Khánh Hòa (trước đó chức vụ này khuyết).

- Bổ nhiệm nhà báo Lê Hoàng Triều, Phó Giám đốc giữ chức Giám đốc Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Khánh Hòa (thay cho bà Thái Thị Lệ Hằng trước đó đã được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Bổ nhiệm ông Phạm Hoài Trung, Phụ trách Hội đồng thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt (Khatoco), doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn